

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN

TT	TÊN TÀI LIỆU	SỐ HIỆU	SỐ TRANG
1	Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.	1096/BC-VMC	24
2	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; phương hướng nhiệm vụ 2026	1097/BC-VMC	05
3	Báo cáo thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.	1098/BKS-VMC	05
4	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.	1099/BKS-VMC	13
5	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.	1100/BKS-VMC	02
6	Tờ trình đề xuất phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025.	1787/TTr-VMC	01
7	Tờ trình về việc thực hiện tiền lương, thù lao năm 2025 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Người quản lý Công ty.	1103/TTr-VMC	03
8	Tờ trình về việc thông qua các Hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng tài sản	1104/TTr-VMC	01
9	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế.	1105/TTr-VMC	17
10	Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2023-2028	1785/TTr-VMC	01
11	Tờ trình về danh sách đề cử ứng viên để bầu Thành viên Hội đồng quản trị Công ty	1786/TTr-VMC	02

Số: 1096/BC-VMC

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026
(tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

- Về việc làm: Tập đoàn TKV sớm thông qua kế hoạch phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên và kế hoạch đầu tư thiết bị duy trì sản xuất; Các đơn vị thành viên tích cực phối hợp thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh, tạo điều kiện cho Công ty nhận được các thiết bị vào sửa chữa tương đối đều ngay từ đầu năm;
- Sự quan tâm chỉ đạo, phối hợp đồng bộ của Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, và các tổ chức CĐ, ĐTN, Hội CCB đã tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ;
- Công ty đã sớm ban hành các giải pháp chỉ đạo điều hành, các biện pháp tiết kiệm chi phí ngay từ đầu năm để các bộ phận triển khai thực hiện.

2. Khó khăn:

- Trong năm 2025, nền kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, đặc biệt là chính sách thuế quan của Mỹ, xung đột Nga - Ucraina và cạnh tranh chiến lược nước lớn làm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh mẽ, mang lại cả cơ hội và thách thức;
- Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề ở nhiều khâu, từ sửa chữa thiết bị đến gia công cơ khí còn thiếu; Thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp; Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tiếp tục có sự biến động mạnh, khó lường;
- Một số cơ chế, chính sách và những yêu cầu nâng cao trong công tác đảm bảo tính tuân thủ các văn bản pháp lý, pháp quy của các cơ quan quản lý nhà nước cũng có nhiều tác động đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp cơ khí.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Đã ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành. Một số văn bản cụ thể:

- Nghị quyết số 1612/NQ-VMC, ngày 25/4/2025 về Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Nghị quyết số 1512 – NQ /ĐU ngày 29/12/2024 và Chương trình hành động số 34/CTr-VMC ngày 02/01/2025 của BCH Đảng bộ Công ty về việc lãnh chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2025;

- Quyết định số 01/QĐ – VMC ngày 02/01/2025 của Giám đốc Công ty về việc ban hành Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2025; ban hành theo của Giám đốc Công ty;

- Quyết định số 02/QĐ – VMC ngày 02/01/2025 của Giám đốc Công ty về việc ban hành Kế hoạch tiết kiệm chi phí năm 2025;

- Các văn bản chỉ đạo, điều hành khác.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

2.1. Các chỉ tiêu về giá trị

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH năm 2025	TH năm 2024	TH năm 2025	So sánh %	
						So với KH năm	So với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	2.000.000	2.293.304	2.306.962	115,3	100,6
2	Giá trị sản xuất	Tr.đ	571.233	633.357	633.976	111,0	100,1
3	Tổng tiền lương	Tr.đ	127.893	136.549	153.244	119,8	112,2
4	Tiền lương BQ	1.000đ/ng/th	12.451	13.278	14.901	119,7	112,2
5	Lao động BQ	Người	856	857	857	100,1	100,0
6	Lợi nhuận	Tr.đ	17.000	17.074	20.916	123,0	122,5
7	Giá trị các dự án đầu tư	Tr.đ	11.738	10.148	11.738	100,0	115,7
8	Tỷ lệ LN/VCSH	%	36	36	45	123	122,5
9	Nộp ngân sách	Tr.đ	28.692	24.433	39.157	136,4	160,3

(Số liệu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo).

2.2. Về sản phẩm chủ yếu

- Sửa chữa thiết bị mỏ: Tổng số thiết bị sửa chữa hoàn thành trong năm 2025 đạt 53 thiết bị/KH 50 thiết bị, bằng 106% KH.

- Sản xuất thép cán và vít chống lò: Cán thép vít lò: đạt 129.243 tấn/KH 90.000 tấn, bằng 143,6% KH, tăng 12,8% cùng kỳ 2024; trong đó thép cán bán ra đạt 67.500 tấn/KH 52.000 tấn, bằng 129,8% KH, bằng 115% so với cùng kỳ năm 2024. Chế tạo vít lò: đạt 54.881 tấn/KH 40.000 tấn, bằng 137,2% KH tăng 0,4% so với cùng kỳ 2024.

- Chế tạo thiết bị, phụ tùng: Tổng khối lượng chế tạo thiết bị, phụ tùng năm 2025 đạt 378 tấn/KH 1.050 tấn, bằng 36% KH, bằng 28,3% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó:

+ Chế tạo thiết bị, phụ tùng ngành than: Đạt 118 tấn/450 tấn, bằng 26,2% KH năm;

+ Chế tạo thiết bị, phụ tùng cho ngành khác: Đạt 260 tấn/KH 600 tấn, bằng 43,3% KH năm.

- Phục hồi thiết bị, phụ tùng: Tổng khối lượng phục hồi thiết bị, phụ tùng năm 2025 đạt 92 tấn/KH 300 tấn, bằng 30,5% KH, bằng 35,5% so với cùng kỳ năm 2024.

Chỉ tiêu chế tạo thiết bị, phục hồi phụ tùng đạt thấp, nguyên nhân: Do khả năng cạnh tranh của Công ty còn hạn chế; Các quy định về đấu thầu có sự thay đổi dẫn tới không tham gia được một số dự án đầu tư của các đơn vị trong ngành.

3. Đánh giá thực hiện các mặt công tác

3.1. Đánh giá thực hiện các mặt quản lý

3.1.1. Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm

Trong năm Công ty đã đẩy mạnh công tác phát triển thị trường. Ngoài những công việc đã được chuẩn bị từ năm 2025, Công ty đã tăng cường các biện pháp điều hành quản lý để tăng cường công tác thị trường, đạt được những kết quả khả quan:

- Ổn định thị trường trong TKV, đồng thời tích cực đẩy mạnh khai thác thị trường ngoài TKV. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh sử dụng hàng hóa trong nước, tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”;

- Đã bố trí đủ việc làm cho người lao động ở mức cao, qua đó ổn định sản xuất, nâng cao thu nhập cho người lao động. Đặc biệt, đã thực hiện một số hợp đồng chế tạo sản phẩm xuất khẩu sang Nhật Bản, mở ra hướng đi mới trong chiến lược hội nhập;

Tuy nhiên, công tác thị trường, tìm kiếm việc làm cũng còn có hạn chế: Chưa có giải pháp hiệu quả để khắc phục giảm thị phần trong ngành như: phụ tùng máy xúc điện, máy khoan điện, cột chống, giá khung, ...vv.

3.1.2. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Trong năm 2025, công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất đã có nhiều đổi mới và chuyển biến mạnh mẽ, từ đó đã thực hiện tương đối tốt về tiến độ, chất lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trọng tâm: vì chống lò, cán thép lò, sửa chữa thiết bị,...vv.

Tuy nhiên, công tác chỉ đạo điều hành một số hạn chế: Tiến độ sửa chữa một số thiết bị mờ bị chậm; công tác điều hành, phối hợp công việc nội bộ tại một số thời điểm còn lúng túng, đã có những giải pháp nhưng điều hành chưa quyết liệt dẫn tới hiệu quả đạt được chưa cao, chưa phân định rõ trách nhiệm,...vv.

3.1.3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm và các hệ thống quản lý

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Chất lượng sản phẩm đã được kiểm soát khá tốt trong quy trình sản xuất, kịp thời phát hiện, ngăn chặn xảy ra sai hỏng.

- Duy trì tính hiệu lực, tính liên tục Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2015, Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018, Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

3.1.4. Công tác kỹ thuật công nghệ

Trong năm 2025, công tác kỹ thuật đã đáp ứng tốt cho sản xuất, trong đó:

- Tiếp tục thực hiện tốt các “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc”; “Giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất để phát huy tối đa năng lực Dây chuyền cán thép vì lò, U, I, L đặc chủng phục vụ khai thác hầm lò” đã nâng cao được chất lượng sản phẩm đúc và khai thác tối đa năng lực dây chuyền cán đạt mức sản lượng lớn nhất từ khi đưa dây chuyền vào khai thác, sản lượng thép cán SVP năm 2025 đạt đạt trên 120.000 tấn;

- Phần mềm thiết kế công nghệ đúc (JSCAST) được sử dụng hiệu quả, đã khắc phục được các sai hỏng sản phẩm trước đây, đảm bảo chất lượng sản phẩm đúc luôn đáp ứng được yêu cầu sản xuất của Công ty;

- Công tác đề tài nghiên cứu khoa học: (i) Năm 2025 đã triển khai thực hiện hoàn thiện thủ tục thanh lý hợp đồng đề tài “Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống giám sát và bảo vệ động cơ một chiều công suất đến 2.500 kW” và đã được TKV giao quyền sở hữu tài sản là kết quả của đề tài; tổ chức triển khai đề tài NCKH cấp TKV: “Nghiên cứu thiết kế, lập quy trình công nghệ, chế tạo Máy nắn thẳng thép hình sử dụng trong dây chuyền Cán thép vì lò, thép hình U, I, L”, đề tài đã được nghiệm thu áp dụng thực tế và đang trong quá trình hoàn thiện thanh lý hợp đồng; (ii) thực hiện đề tài “Nghiên cứu thiết kế, lập quy trình công nghệ, chế tạo máy cưa di động sử dụng trong dây chuyền cán thép vì lò, thép hình U, I, L”, công việc chế tạo được hoàn thiện trong năm 2025; (iii) Tiếp tục phối hợp với ban KCL hoàn thiện hồ sơ đăng ký nhiệm vụ NCKH cấp TKV dài đoạn năm (2025-2027).

- Công tác sáng kiến năm 2025: Trong năm 2025 đã thẩm định và xét duyệt 60 sáng kiến, giá trị làm lợi trên 18 tỷ đồng, tiền thù lao trả cho các tác giả trên 960 triệu đồng.

3.1.5. Công tác chuyển đổi số

Năm 2025, Công ty đã triển khai mạnh mẽ và đồng bộ nhiều giải pháp, tạo bước chuyển rõ rệt trong quản trị, điều hành và sản xuất. Nhiều hạng mục số hóa đã hoàn thành và bước đầu phát huy hiệu quả. Một số nội dung quan trọng đã triển khai:

- Số hóa tài liệu kỹ thuật: Xây dựng và đưa vào vận hành thư viện điện tử, phục vụ quản lý và tra cứu nhanh chóng, chính xác toàn bộ hệ thống tài liệu kỹ thuật;

- Số hóa văn phòng và điều hành: Nâng cấp các chức năng liên thông văn bản, áp dụng chữ ký số rộng rãi; tăng cường hiệu quả điều hành qua phần mềm Văn phòng điện tử;

- Số hóa giám sát an ninh và điều hành sản xuất: Hệ thống camera được mở rộng, phân quyền kết nối dữ liệu đồng bộ, giúp giám sát an ninh - sản xuất liên tục, rõ nét, kịp thời;

- Số hóa các quy trình quản lý: Tăng cường ứng dụng các phần mềm quản lý vật tư, kế toán, nhân sự, quản lý điện năng, phần mềm thiết kế công nghệ đúc và thiết kế 3D..., góp phần chuẩn hóa quy trình, nâng cao hiệu lực quản lý;

- Số hóa hoạt động sản xuất: Đẩy mạnh đầu tư thiết bị CNC, từng bước chuyển đổi các dây chuyền truyền thống sang điều khiển tự động lập trình CNC, nâng cao độ chính xác và năng suất gia công.

3.1.6. Công tác đầu tư xây dựng, quản lý đất đai

a. Công tác ĐTXD: Công ty đã triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành và hoàn thành các dự án đầu tư theo kế hoạch:

- Tổng số các gói thầu thực hiện: 05/05 gói thầu thiết bị, đạt 100% kế hoạch năm 2025;

- Tổng giá trị dự kiến thực hiện đầu tư: 11.738/11.738 (triệu đồng), đạt 100% kế hoạch năm 2025.

b. Công tác quản lý đất đai:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về thủ tục, hồ sơ thuê đất với UBND phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh đối với các mảnh đất Công ty đang quản lý, sử dụng;

- Thực hiện công tác quản lý đất đai theo quy định; không vi phạm các quy định trong công tác quản lý đất đai.

3.1.7. Công tác vật tư, kho tàng

Công tác vật tư trong năm 2025 đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất, công tác cấp phát vật tư đảm bảo đúng thủ tục, nguyên tắc theo quy định. Công tác quản

lý, thu hồi, sử dụng, thanh lý phế liệu được thực hiện nghiêm túc theo các quy định. Giá trị vật tư tồn kho đảm bảo tỷ lệ theo quy định của TKV (Tổng tỷ lệ tồn kho cuối kỳ so với tổng nhu cầu sử dụng năm 2025 là 3,68%, theo quy định của Tập đoàn TKV là 5%).

Kết quả giá trị mua sắm thực hiện năm 2025:

ĐVT: 1.000 đồng

Tên vật tư, hàng hóa	Tồn đầu kỳ (01/01/2025)	Nhập kho	Xuất kho	Tồn cuối kỳ (31/12/2025)
Tổng số	70.855.963	2.073.322.760	2.067.917.584	76.261.139
Vật liệu	70.410.470	1.978.094.108	1.972.694.960	75.809.617
- Phôi thép	17.253.345	1.754.487.991	1.753.886.652	17.854.684
- Thép làm cột chống	3.963.995	0	66.103	3.897.892
- Vật tư, phụ tùng khác	28.050.218	187.413.005	177.814.159	37.649.064
- Vật tư, sắt thép phế liệu	21.142.912	36.193.112	40.928.047	16.407.978
Nhiên liệu	445.494	95.228.652	95.222.624	451.522

3.1.8. Công tác cơ điện, ứng dụng THH-TĐH và quản lý năng lượng

* Công tác cơ điện:

- Về giá trị thực hiện sửa chữa các cấp đối với công trình, thiết bị cơ điện:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2024	NĂM 2025		Tỷ lệ % (TH/KH)
				KH	TH	
1	Sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng	26.926	25.250	28.465	112,7
2	Sửa chữa cấp trung tu	Tr.đồng	18.550	14.450	13.660,7	94,5

- Sửa chữa thường xuyên: hoàn thành 100% công trình, thiết bị theo nội dung kế hoạch tháng và kế hoạch năm.

- Sửa chữa cấp trung tu: Tổ chức thực hiện 18/18 thiết bị trong đó:

+ Hoàn thành 16/18 thiết bị;

+ Dờ dang 02/18 thiết bị: hoàn thành nghiệm thu, quyết toán vào đầu năm 2026.

* Các công ứng dụng THH, TĐH:

- Tiếp tục thực hiện các nội dung theo Quyết định số 1782/QĐ-VMC ngày 05/7/2019 về Chương trình ứng dụng Tự động hóa, Tin học hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Triển khai thực hiện Chương trình số 4152/QĐ-VMC ngày 18/9/2025 về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Cơ điện - Vận tải giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 và Chương trình số 4526/QĐ-VMC ngày 10/10/2025 về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Năm 2025, hoàn thành được 6/6 công trình theo kế hoạch, giá trị thực hiện 9,17 tỷ đồng.

* Công tác quản lý năng lượng:

- Thực hiện kiểm tra, kiểm định định kỳ 100% các thiết bị điện theo kế hoạch; giám sát chặt chẽ các phụ tải có công suất lớn, đảm bảo cung cấp điện an toàn cho sản xuất.

- Điện năng sử dụng trong toàn Công ty là 12.560.252/KH 12.378.000 (kWh), tương đương 101,5% KH, trong đó:

- Điện năng cho sản xuất: 12.395.250 kWh, chi tiết theo biểu giá:

+ Biểu giá 1: 7.286.454 kWh;

+ Biểu giá 2: 2.556.036 kWh;

+ Biểu giá 3: 2.552.760 kWh.

- Điện cho phụ tải ngoài Công ty (Chi nhánh): 5.420 kWh.

- Điện cho sinh hoạt: 159.582 kWh.

- Số giờ mất điện: 38 giờ 29 phút; số lần mất điện: 71 lần, trong đó: do lưới 67 lần = 35 giờ 29 phút, nội bộ 04 lần = 3 giờ 00 phút.

* Công tác cung cấp nước:

- Nước sạch mua vào, sử dụng 112.070/126.300 (m³), tương ứng 88,7% kế hoạch năm (tiết kiệm do tăng cường sử dụng nước mưa, nước tuần hoàn);

- Nước sau hệ thống xử lý được sử dụng tuần hoàn: 411.224 m³.

Đánh giá: Công tác cơ điện, THH-TĐH và quản lý năng lượng cơ bản đã đảm bảo năng lực thiết bị, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất, nâng cấp mức độ tự động hóa thiết bị hiện có; sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng, tiết kiệm chi phí so với kế hoạch.

3.1.9. Công tác quản lý định mức, lao động, tiền lương:

* Công tác định mức:

- Đáp ứng yêu cầu của sản xuất, kịp thời xây dựng các định mức đối với các mặt hàng mới đưa vào sản xuất ở các công trình/dự án tạo điều kiện cho việc thanh quyết toán và trả lương cho NLĐ;

- Rà soát, hiệu chỉnh đơn giá tiền lương, định mức tổng hợp cho các sản phẩm phù hợp với sản xuất, khách quan, minh bạch tạo được sự ổn định cho sản xuất và ổn định tư tưởng cho NLĐ.

* Công tác quản lý lao động:

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát, điều động lao động trong nội bộ lĩnh vực bảo đảm phục vụ kịp thời cho sản xuất;

- Công tác thống kê, báo cáo nhanh lao động hằng ngày đã phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm và kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm Nội quy lao động;

- Tổng hợp lao động (lao động trong DS) tăng, giảm trong năm 2025:

TT	Danh mục	Lao động đầu năm 2025 (Người)	Lao động đến cuối 2025 (Người)	Lao động tăng, giảm trong năm 2025 (Người)	Tỷ lệ lao động cuối năm 2024 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Lao động quản lý	117	115	-02	15,73
2	Lao động phục vụ, phụ trợ	72	72		9,85
3	Lao động công nghệ	543	542	+23; -22	74,42
	Tổng:	732	729		100

- Kết quả tình giảm lao động: Trong năm 2025 đã giảm tuyệt đối 02 lao động gián tiếp.

* Công tác quản lý, điều hành quỹ tiền lương:

Kết quả thực hiện quản lý lao động, tiền lương:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2024	KH 2025	TH năm 2025	SS KH 2025 (%)	SS 2024 (%)
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	2.293.304	2.000.000	2.306.962	115,3	100,6
	GTSX tính lương	"	633.357	571.233	633.976	110,9	100,1
2	Sản lượng than TT	1000 tấn					
3	Lao động bình quân	người	857	856	857	100,1	100,00
	Người lao động	"	5,7	7,00	6	85,7	105,89
	Người quản lý	"	851	849	851	100,2	99,96
4	Tổng tiền lương	tr.đồng	136.549	127.893	153.244	119,8	112,2
	Người quản lý	"	2.735	2.794	2.879	103	105,3
	Người lao động	"	133.814	125.100	150.365	120,2	112,4
5	Tiền lương bq	1000đ/ng/th	13.278	12.451	14.901	119,6	112,2
	Người quản lý	"	40.231	33.262	39.990	120,2	99,4
	Người lao động	"	13.278	12.451	14.901	119,6	112,2
6	Năng suất lao động						
	Tính theo giá trị (doanh thu - CP chưa có tiền lương)	trđ/ng/năm	177,2	167,4	204,07	121,29	114,54
	Theo sản lượng (giá trị SX)	đồng/ng/năm	739	667	740	111,0	100,21
7	Lợi nhuận sau khi quyết toán lương	tr.đồng	17.074	17.000	20.916	123,0	122,5

- Công ty đã quản lý tiền lương đúng theo quy chế, quy định, đảm bảo tái sản xuất và nâng cao đời sống vật chất cho NLĐ, tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động.

- Quá trình điều hành thực hiện quỹ tiền lương bám sát theo kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh, tuân thủ đúng theo định mức lao động và các quy định hiện hành.

** Công tác tổ chức cán bộ:*

- Ban hành kế hoạch luân chuyển, điều động cán bộ thuộc diện Công ty quản lý năm 2025 và thực hiện việc luân chuyển, điều động đối với 6 cán bộ;

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực cán bộ để xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, trong năm 2025 đã bổ nhiệm mới 5 cán bộ, bổ nhiệm lại 7 cán bộ.

3.1.10. Công tác tài chính kế toán

** Tình hình tài chính, công nợ:*

- Công tác thu xếp vốn: Thu xếp đủ, kịp thời nguồn vốn phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty (tiền lương, tiền điện, BHXH, các khoản mua vật tư mang tính cấp bách và thanh toán kịp thời các khoản gốc vay ngân hàng đến hạn thanh toán,...);

- Tình hình vay, trả tiền gốc vay ngắn hạn, dài hạn ngân hàng:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ	Chênh lệch (+,-)
I	Vay ngắn hạn		169,73	142,73	27	27
II	Vay dài hạn	26,06	5,68	9,73	22,01	-4,05

- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền
I	Các loại thuế	39.157
1	Thuế TNDN	3.500
2	Thuế GTGT	28.537
3	Thuế TNCN	3.872
4	Thuê đất	3.244
5	Thuế môn bài	4
II	Bảo hiểm xã hội	20.837

** Tình hình thu hồi công nợ:*

Công tác thu hồi công nợ đạt kết quả tích cực, thu được: 2.593 tỷ đồng/2.691 tỷ đồng tổng số nợ phải thu khách hàng.

** Tình hình thanh toán cho người bán:*

Trong năm 2025, Công ty trả được 2.452 tỷ đồng/2.645 tỷ đồng nợ phải trả, số dư nợ phải trả người bán ngày 31/12/2025: 444,9 tỷ đồng. Thực hiện đầy đủ các khoản thanh toán đến hạn, không để quá hạn các khoản phải trả khách hàng trong năm.

** Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp:*

- Vốn chủ sở hữu:

+ Tại thời điểm ngày 01/01/2025: 68.603 triệu đồng;

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973,5 triệu đồng.

+ Tại thời điểm ngày 31/12/2025: 72.064 triệu đồng;

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973,5 triệu đồng.

** Tình hình tài chính*

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn)	0,94 lần	0,98 lần
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	9,74 lần	9,18 lần
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,11 lần	3,14 lần
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	19,4 %	23,15 %
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	1,80 %	2,27 %

3.1.11. Công tác AT-VSLĐ, PCCC; An ninh, quân sự quốc phòng; Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và bảo vệ môi trường:

*** Công tác AT-VSLĐ, PCCC:**

- Tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cho 100% người lao động trong Công ty và người lao động thực hiện việc sửa chữa các thiết bị tại khai trường của các đơn vị; huấn luyện AT-VSLĐ các nhóm cho tổng số 838 lượt người theo quy định;
- Kiểm tra, kiểm định định kỳ 100% thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Kết quả thực hiện AT-VSLĐ: Hoàn thành 5/5 nội dung với giá trị thực hiện là 8.523/7.878 (triệu đồng), tương ứng đạt 108,2 % kế hoạch năm, cụ thể:

Số TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025		Thực hiện năm 2025		Tỷ lệ Giá trị TH/KH (%)
		Số việc	Giá trị (tr.đồng)	Số việc	Giá trị (tr.đồng)	
1	Kỹ thuật an toàn PCCC	11	1.436	11	1.436	100
2	Biện pháp kỹ thuật VSLĐ, phòng chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động	6	362,5	6	364	100,4
3	Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân	48	1.046,7	48	1.090	104,1
4	Chăm sóc sức khỏe NLĐ	11	4.195	11	4.192	99,9
5	Thông tin tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện AT-VSLĐ	17	837,8	17	920	109,7
	Cộng	93	7.878	93	8.523	108,2

- Năm 2025, Công ty không xảy ra TNLĐ gây hậu quả nghiêm trọng, không xảy ra sự cố thiết bị loại I, loại II cũng như sự cố kỹ thuật gây mất AT-VSLĐ. Tuy nhiên, còn xảy ra 08 vụ TNLĐ gây thương tích, trong đó có 01 vụ do bệnh lý, giảm 07 vụ so với cùng kỳ năm 2024. Các vụ tai nạn đều được điều tra và lập hồ sơ đúng theo quy định.

- Huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho lực lượng PCCC&CNCH, hoàn thành kế hoạch diễn tập PCCC&CNCH; bảo dưỡng các hệ thống PCCC tự động và trang bị, thay thế các phương tiện PCCC theo kế hoạch. Năm 2025, Công ty không xảy ra sự cố cháy nổ hoặc vi phạm về công tác PCCC.

*** Công tác an ninh trật tự và an toàn tài sản:**

- Bảo vệ chuyên trách Công ty phối kết hợp với lực lượng dịch vụ bảo vệ đảm bảo an ninh trật tự và sẵn sàng chiến đấu; Ban hành và thực hiện tốt các Kế hoạch bảo vệ ANTT trong các ngày lễ, Tết, sự kiện của Công ty;

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra thời gian làm việc, sử dụng trang bị bảo hộ lao động, các quy định theo Nội quy lao động tại các chốt bảo vệ. Kiểm tra, giám sát hàng hóa, vật tư, thiết bị, phương tiện vận chuyển ra/vào cổng, cập nhật vào hồ sơ, sổ sách đúng quy định;

- Duy trì công tác tiếp dân theo quy định; các ý kiến, kiến nghị của CB, CN, NLĐ được giải quyết kịp thời, không có đơn thư khiếu nại tố cáo.

** Công tác Quân sự quốc phòng:*

- Ban CHQS Công ty thực hiện tốt các nội dung: (i) Chương trình bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng & An ninh cho các đối tượng theo quy định; (ii) Thực hiện tốt các kế hoạch và chương trình huấn luyện lực lượng tự vệ năm 2025.

- Thực hiện tốt Kế hoạch sơ tuyển nghĩa vụ quân sự và Lễ giao nhận quân năm 2025.

- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, huấn luyện quân sự, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do Tập đoàn, địa phương triệu tập.

** Công tác Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Bảo vệ môi trường:*

- Công tác Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN): Ban hành và thực hiện phương án PCTT-TKCN; Tổ chức sửa chữa, chống dột mái nhà xưởng, nạo vét các hồ lắng, khơi thông hệ thống thoát nước trong Công ty; Đo kiểm tra, sửa chữa các vị trí tiếp địa thiết bị, chống sét nhà xưởng và kiểm định định kỳ 100% thiết bị điện trước mùa mưa bão. Giá trị thực hiện 4.785/3.555 triệu đồng, tương đương 134,5% kế hoạch năm.

- Công tác Bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện đúng quy định về việc kiểm tra, kiểm soát môi trường lao động; Đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả các công trình môi trường; công tác thu gom, phân loại chất thải tại nguồn và chuyển giao, xử lý được thực hiện theo quy định;

+ Giá trị ước thực hiện là 4.504,4/4.864,6 triệu đồng, tương đương 92,6% kế hoạch năm (chi phí thực hiện giảm do: Khối lượng chất thải phải xử lý giảm, chi phí phân định chất thải, hóa chất sử dụng cho xử lý nước thải,...).

3.1.12. Công tác quản trị, tiết kiệm chi phí

Công tác quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc theo các văn bản chỉ đạo của các cấp. Công ty đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-VMC ngày 02/01/2025 về Kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2025, Quyết định số 1823/QĐ-VMC ngày 12/5/2025 về Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2025,... Từ kết quả tiết kiệm chi phí, đã góp phần giảm giá thành sản xuất, đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.

3.2. Đánh giá công tác thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động

3.2.1. Thực hiện chế độ chính sách theo Thỏa ước LĐTT và pháp luật

- Tuyển dụng, ký kết HĐLĐ đúng quy định; việc làm ổn định, thu nhập tăng 4% so với năm 2024; Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng bậc và nâng lương theo đúng quy chế, quy định.

- Thực hiện đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN; nộp kinh phí công đoàn theo quy định; chi trả kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ phép; cấp phát BHLĐ đúng tiêu chuẩn;

- Công tác ATVSLĐ được chú trọng, môi trường làm việc cải thiện; TNLĐ giảm so với năm 2024; khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp cho 100% NLĐ, bảo đảm ATVSTP trong phục vụ ăn ca.

3.2.2. Thực hiện các chế độ phúc lợi

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết liên tịch về hỗ trợ NLĐ nghỉ hưu; hỗ trợ 15 NLĐ nghỉ hưu với tổng kinh phí 144 triệu đồng và quà tặng trị giá tương đương 10 triệu đồng/người;

- Tổ chức tham quan, nghỉ dưỡng cho trên 700 NLĐ và các chương trình về nguồn, học tập tại nhiều địa điểm trong nước; tổng kinh phí trên 13,9 tỷ đồng;

- Hỗ trợ xây mới/sửa chữa nhà ở cho 5 trường hợp với tổng kinh phí 305 triệu đồng.

3.2.3. Công tác đền ơn đáp nghĩa và hoạt động xã hội

- Tổ chức các hoạt động tri ân thương binh, liệt sĩ; thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam và các gia đình chính sách;

- Quan tâm, chăm lo con em NLĐ: tặng quà dịp lễ, tết; tuyên dương cháu học giỏi, thi đỗ đại học;

- Hỗ trợ NLĐ khó khăn và tham gia hoạt động thiện nguyện, quyên góp ủng hộ đồng bào thiên tai với tổng giá trị trên 419 triệu đồng.

3.2.4. Chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần

- Tổ chức thường xuyên các hoạt động VHVN - TDTT; khánh thành sân Pickleball; duy trì các giải cầu lông truyền thống và tham gia thi đấu các giải cấp Tập đoàn và địa phương;

- Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng, kịp thời tôn vinh NLĐ có thành tích xuất sắc.

3.3. Công tác trích lập và sử dụng các quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng, quỹ do người lao động đóng góp

Năm 2025, Công ty đã thực hiện thu, sử dụng các quỹ theo đúng các quy định của Nhà nước và của Công ty, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Quỹ Hoạt động xã hội	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi
1	Năm trước chuyển sang	4,69	708,32	656,78
2	Thu năm 2025	1.557,07	5.869,38	2.515,45
3	Chi năm 2025	1.504,69	5.107,52	3.018,82
4	Số dư tại ngày 31/12/2025	57,07	1.470,18	153,41

4. Đánh giá trách nhiệm của tổ chức công đoàn trong công tác phối hợp bảo vệ và chăm lo quyền lợi của người lao động

Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo Quyết định số 532/QĐ-HĐQT ngày 01/3/2022, Công đoàn Công ty đã phối hợp với Giám đốc triển khai hiệu quả, cụ thể:

- Tổ chức Hội nghị NLĐ từ cấp tổ đến cấp Công ty đúng quy định; ý kiến của NLĐ được tiếp thu và giải quyết kịp thời, thỏa đáng;

- Tham gia sửa đổi Thỏa ước LĐTĐ giai đoạn 2024–2026, bổ sung nhiều nội dung có lợi cho NLĐ; Thỏa ước được Sở LĐTBXH xác nhận phù hợp pháp luật và Công đoàn TKV đánh giá loại A;

- Chủ động lấy ý kiến NLĐ phục vụ đối thoại định kỳ; năm 2025 có 12 ý kiến đã được giải quyết tại Hội nghị đối thoại Quý III/2025;

- Tham gia xây dựng các quy chế, quy định theo hướng công khai, minh bạch; đăng tải trên mạng nội bộ để các đơn vị góp ý trước khi ban hành, tạo sự đồng thuận trong triển khai.

- Phối hợp thực hiện tốt các hoạt động chăm lo phúc lợi cho NLĐ:

+ Tổ chức tham quan học tập tại Nha Trang – Khánh Hòa cho 100% NLĐ;

+ Điều dưỡng, hỗ trợ điều trị cho 75 NLĐ và 14 NLĐ sức khỏe loại IV–V;

+ Thăm hỏi 100% NLĐ ốm đau, khó khăn;

+ Hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà ở cho 05 gia đình NLĐ, tổng hỗ trợ 315 triệu đồng;

+ Tuyên dương con NLĐ đạt thành tích học tập, tặng quà Tết Thiếu nhi & Trung thu với kinh phí trên 278 triệu đồng;

+ Tổ chức các hoạt động văn hóa – thể thao, tham quan di tích nhân dịp lễ lớn, nâng cao đời sống tinh thần NLĐ.

5. Những thành tích nổi bật

Trong năm 2025, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên về cơ bản Công ty vẫn giữ vững ổn định trong sản xuất kinh doanh và duy trì tốt các mặt hoạt động, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi nhuận và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo kế hoạch, thực hiện thắng lợi mục tiêu “**An toàn - Đoàn kết - Phát triển - Hiệu quả**”.

6. Tồn tại, hạn chế và biện pháp khắc phục

6.1. Tồn tại, hạn chế: Mặc dù Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu theo kế hoạch, tuy nhiên một số chỉ tiêu sản lượng về chế tạo thiết bị, phụ tùng còn chưa đạt theo kế hoạch, một số thiết bị còn chưa đạt yêu cầu về tiến độ theo các hợp đồng, công tác khai thác thị trường, tìm kiếm việc làm, quản trị chi phí hiệu quả chưa cao, vẫn đề xảy ra một số vụ tai nạn lao động,...vv.

6.2. Nguyên nhân:

- Khả năng cạnh tranh của Công ty thấp do giá thành sản xuất còn cao dẫn tới kết quả đấu thầu còn hạn chế, hiệu quả sản xuất chưa cao.

- Mức độ tự động hóa của thiết bị công nghệ chưa cao; một số vật tư phục vụ công tác sửa chữa thiết bị phải nhập khẩu mất nhiều thời gian,...

- Ý thức chấp hành quy trình, quy phạm an toàn trong sản xuất của một bộ phận cán bộ, công nhân chưa tốt.

6.3. Biện pháp khắc phục:

- Tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị, quản trị chi phí để hạ giá thành sản phẩm tăng khả năng cạnh tranh;

- Tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, công tác kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện quy trình, quy phạm an toàn trong sản xuất.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2026

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Dự báo năm 2026, tăng trưởng kinh tế phục hồi tích cực, đồng thời hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp, tạo không gian phát triển mới; đẩy mạnh 03 đột phá, “bộ tứ trụ cột” và các chiến lược về khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế, nhu cầu sử dụng sản phẩm Than cho các ngành kinh tế trong nước dự báo cao hơn năm 2025;

- Sự quan tâm, chỉ đạo của TKV, của Đảng ủy Than Quảng Ninh đối với các đơn vị cơ khí nói chung, với Công ty nói riêng;

- Tinh thần đoàn kết, đổi mới, dân chủ, công khai, minh bạch tạo động lực và phát huy tinh thần lao động nhiệt tình, sáng tạo của người lao động; Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CBCN, người lao động ngày càng nâng cao;

- Kết quả thực hiện đồng bộ, hiệu quả năm 2025, tạo điều kiện, tiền đề thuận lợi cho việc triển khai và thực hiện kế hoạch năm 2026;

- Đã có một số hợp đồng gói đầu tư năm 2025 chuyển sang đảm bảo việc làm ở mức cao trong quý I/2026 cho các đơn vị cơ khí, kết cấu.

2. Khó khăn

- Dự báo trong năm 2026, nền kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, chuỗi cung ứng toàn cầu bị ảnh hưởng, giá phụ tùng, vật tư, nhiên liệu biến động khó lường, công tác nhập khẩu vật tư gặp nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả một số công việc trọng tâm đặc biệt là công tác sửa chữa lớn thiết bị, ...vv;

- Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề còn hạn chế; thiết bị chưa đồng bộ, mức độ tự động hóa chưa cao. Việc tham gia các dự án đầu tư trong và ngoài TKV ngày càng khó khăn do chịu sự chi phối bởi các quy định hiện, sự thay đổi về cơ chế quản lý, công tác đầu thầu và sự cạnh tranh gay gắt các sản phẩm cơ khí trên thị trường, trong khi năng lực cạnh tranh của VMC còn hạn chế.

II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: **ĐOÀN KẾT – AN TOÀN - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN.**

- Mục tiêu điều hành: Tạo việc làm ổn định để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao trình độ quản lý, sắp xếp tinh gọn bộ máy để tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất; thực hiện bảo vệ môi trường; Tiếp tục đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ mới tiên tiến hiện đại; Thực hiện đề án chuyển đổi số và liên thông các cơ sở dữ liệu trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý, điều hành; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề, ...vv.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu 2.100 tỷ đồng, trong đó doanh thu cơ khí: 2.078,5 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất: 605,326 tỷ đồng;
- Lao động định mức: 815 người;
- Tiền lương bình quân theo lao động định mức: 14.408.000 đồng/ng/tháng;
- Lợi nhuận: 28,2 tỷ đồng;
- Cổ tức: $\geq 10\%$;
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: 9,3 lần;
- Bảo toàn và phát triển vốn;
- Giá trị các dự án ĐTXD: 13,815 tỷ đồng;
- Các chỉ tiêu khác: Theo Phụ lục 03 đính kèm.

III. CÁC GIẢI NHIỆM VỤ, PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2026

1. Nhóm giải pháp phát triển thị trường:

- **Đối với thị trường truyền thống trong TKV:**

+ Các đơn vị khai thác lộ thiên, sàng tuyển: Duy trì việc chế tạo phụ tùng, thiết bị; ưu tiên nguồn lực để thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa TĐT thiết bị cho các đơn vị ngành

Than. Chủ động tiếp cận các dự án mở rộng khai thác than trong năm 2026 của TKV để có định hướng về chế tạo, phục hồi các thiết bị, hệ thống sàng tuyển, băng tải,...vv;

+ Các đơn vị khai thác than hầm lò: Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chủng loại thép chống lò, vì chống lò; Giữ vững và tăng sản lượng, số lượng, chủng loại các sản phẩm thiết bị, phụ tùng phục vụ khai thác hầm lò,...vv;

+ Các đơn vị kho vận, chế biến than: Bám sát việc nâng cấp, mở rộng các kho cảng, bến bãi phục vụ công tác xuất, nhập khẩu than của các đơn vị trong TKV để tham gia cung cấp các dịch vụ về cơ khí.

- Thị trường khác trong và ngoài TKV:

+ Chủ động tiếp cận, khảo sát, đánh giá hoạt động sản xuất tại các đơn vị trong và ngoài TKV để nắm bắt về công nghệ sản xuất từ đó có kế hoạch khai thác tốt việc làm cho hoạt động sản xuất cơ khí của Công ty;

+ Chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia các dự án trong TKV, đặc biệt các gói thầu EPC; mở rộng cung cấp phụ tùng cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện thép Cao Bằng, khu vực Lào Cai, khu vực Tây Nguyên. Tăng cường hợp tác, liên kết, liên danh với các đơn vị trong và ngoài TKV để đấu thầu các dự án lớn, các gói thầu EPC, tập trung vào các dự án đầu tư các nhà máy sàng tuyển, nhiệt điện, chế biến, vận chuyển than;

+ Phát triển các thị trường ngoài TKV, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản; Giữ vững ổn định các thị trường hiện có, tập trung hoàn thành tốt các hợp đồng từ năm 2025 chuyển sang; Tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, đặc biệt là thị trường Nhật Bản,...vv.

- Thị trường trong tỉnh Quảng Ninh:

+ Tăng cường khai thác thị trường, đẩy mạnh việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm cơ khí trong tỉnh Quảng Ninh; Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/11/2020 của BCH Đảng tỉnh Quảng Ninh về phát triển nhanh, bền vững ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình hành động số 01/CTr-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 04/01/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/11/2020 của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, để nắm bắt các chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế nói chung và phát triển công nghiệp chế biến chế tạo trên địa bàn Tỉnh;

+ Thực hiện nghiêm sự phối hợp ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ trong ngành theo kế hoạch PHKD, hưởng ứng tích cực Cuộc vận động **“Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”** tăng cường công tác khai thác thị trường, tiếp thị để nắm bắt các cơ hội tiêu thụ, phát triển sản phẩm cơ khí trong nước.

- **Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường:** Tổ chức thực hiện tốt các hợp đồng đã ký kết với các đối tác Nhật Bản đảm bảo chất lượng, tiến độ, đồng thời phát triển thêm các hợp đồng và các đối tác mới.

2. Nhóm giải pháp về tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực:

- Công tác tuyển dụng: Xây dựng các chính sách, biện pháp thu hút, tuyển dụng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, trong đó ưu tiên nhóm thợ cơ khí và sửa chữa thiết bị;

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Đối với cán bộ quản lý: Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp trong Công ty. Đối với công nhân, NLĐ: Đào tạo kèm cặp, hướng dẫn nâng cao tay nghề cho công nhân mới tuyển dụng, đồng thời kèm cặp nghề 2 đối với những ngành nghề khó tuyển dụng và đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề để bố trí công việc; Tập trung đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề cho nguồn nhân lực chủ chốt đáp ứng yêu cầu tham dự đấu thầu và thực hiện các gói thầu; Mở các lớp đào tạo chuyên sâu cho cán bộ kỹ thuật, công nhân về công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử, sửa chữa hiệu chỉnh các máy CNC mới đầu tư;

- Công tác bố trí, sử dụng lao động: Chủ động nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất, tổ chức sản xuất và điều phối nhân lực hợp lý, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất để tăng thời gian làm việc hữu ích trong ca của người lao động; Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, đồng thời khuyến khích, động viên, có chính sách phù hợp đối với người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ và thực hiện tốt nhiệm vụ. Xây dựng chế độ tiền lương phù hợp để sử dụng lại các lao động có tay nghề cao đã nghỉ hưu ký hợp đồng thời vụ khi có nhu cầu. Đối mới nâng cao chất lượng nhân sự trong các lĩnh vực quản lý, đồng thời bố trí sử dụng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo định biên;

- Tiếp tục triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng hiệu quả công việc bằng Hệ thống quản trị KPIs đối với từng vị trí trong diện lao động quản lý theo định biên; Đối mới quản trị doanh nghiệp, triển khai thực hiện các nội dung theo Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 theo Quyết định số 625/QĐ-TTg ngày 17/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Nhóm giải pháp về kỹ thuật - công nghệ, thiết bị, môi trường:

- Tiếp tục thực hiện chương trình Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa, chương trình đầu tư hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, nâng cao trình độ tự động hóa và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh; Khai thác một cách hiệu quả các giải pháp THH-TĐH đã triển khai; Khai thác, sử dụng có hiệu quả các thiết bị đã được đầu tư;

- Công tác công nghệ sản xuất: Rà soát, hoàn thiện, ban hành đầy đủ QTCN, Biện pháp thi công, đáp ứng yêu cầu sản xuất; Tiếp tục đầu tư trang bị, kết hợp đào tạo để sử dụng có hiệu quả các phần mềm thiết kế, đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân để từng bước làm chủ công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử, ...vv;

- Triển khai quyết liệt việc chuyển đổi số theo các kế hoạch đã ban hành, tiến tới chuyển đổi hầu hết các hoạt động của Công ty trên nền tảng số, tận dụng sức mạnh của công nghệ số, dữ liệu số để gia tăng hiệu quả hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, ...vv;

- Công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới: Chủ động, tăng cường hợp tác nghiên cứu, thiết kế mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty; Nghiên cứu thiết kế, sản xuất các sản phẩm mới, đặc biệt ưu tiên trong lĩnh vực khai thác hầm lò, sàng tuyển than. Tiếp tục thực hiện xây dựng và đăng ký tiêu chuẩn cơ sở, tiến tới đăng ký bảo hộ độc quyền một số sản phẩm. Tăng cường việc áp dụng các phần mềm trong tính toán, thiết kế; Thực hiện tốt các đề tài, dự án khoa học công nghệ. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng và các tiểu ban sáng kiến (chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ, ...vv);

- Công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng; Áp dụng toàn diện các nội dung của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 trong quản lý chất lượng;

- Công tác cơ điện và năng lượng: Thực hiện đúng chế độ, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng, đảm bảo năng lực thiết bị đáp ứng cho sản xuất; Nâng cao chất lượng sửa chữa; Chủ động dự phòng vật tư, phụ tùng thiết yếu cho các dây chuyền, thiết bị trọng tâm (Dây chuyền cán thép, chế tạo cột chống, chế tạo vì lò, các máy công cụ đặc chủng,...vv);

- Công tác môi trường: Thực hiện nghiêm túc các qui định pháp luật về BVMT. Tiếp tục triển khai quyết liệt các nội dung trong chương trình Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh đã ban hành. Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn về môi trường.

4. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả các mặt quản lý - điều hành:

- Thực hiện tốt cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa các tổ chức Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Công đoàn Công ty nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị;

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ, phát huy truyền thống “kỷ luật và đồng tâm” quyết tâm vượt khó, thích ứng linh hoạt, ổn định sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành vượt mức và toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2026;

- Đẩy mạnh công tác pháp chế doanh nghiệp, quản trị rủi ro, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người lao động nhằm tăng cường ý thức thực thi pháp luật và đảm bảo các hoạt động SXKD theo quy định của pháp luật. Tiếp tục siết chặt, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt quản lý; Có biện pháp kiểm soát, đánh giá, nâng cao chất lượng công tác các phòng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định một cách kịp thời làm công cụ hữu hiệu trong các mặt quản lý; Kiên quyết xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm nội quy lao động tại Công ty;

- Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để ra sai phạm hoặc vi phạm pháp luật;...vv;

- Thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất thông qua việc xác định cụ thể giá trị tiết kiệm theo chi phí khoán quản trị đã được ban hành.

5. Nhóm giải pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối người lao động:

- Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty;

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, hiện đại;

- Phát động các phong trào thi đua, nâng cao đời sống tinh thần cho CB, CN, NLĐ; Đa dạng hóa các hình thức biểu dương khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động, thúc đẩy các mặt của sản xuất kinh doanh; Tiếp tục hỗ trợ, tổ chức cho người

lao động đi tham quan trong và ngoài nước, nghỉ điều dưỡng phù hợp với khả năng tài chính của Công ty;

- Tiếp tục phát tinh thần vượt khó, chung lòng, chung sức, truyền thống kỷ luật và đồng tâm, từ trí sáng tạo và bàn tay tài hoa của người thợ cơ khí để xây dựng Công ty phát triển bền vững.

IV. CÔNG TÁC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NLĐ

1. Phối hợp thực hiện đầy đủ Thỏa ước lao động tập thể; tổ chức đối thoại định kỳ; thực hiện công tác tuyển dụng, ký kết và quản lý HĐLĐ đúng quy định pháp luật; triển khai nghiêm túc các nội quy, quy chế của Công ty.

2. Chú trọng công tác ATVSLĐ; cải thiện điều kiện, môi trường làm việc an toàn cho NLĐ; đảm bảo việc làm ổn định, tiền lương và thu nhập giữ vững và có tăng trưởng.

3. Tổ chức các chương trình tham quan, nghỉ mát, điều dưỡng; khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp và khám chuyên khoa nữ đầy đủ, đúng kế hoạch.

4. Thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn theo quy định; chi trả kịp thời các chế độ khi NLĐ chấm dứt HĐLĐ, nghỉ hưu, TNLĐ, ốm đau, thai sản; thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại, ăn ca đúng đối tượng và tiêu chuẩn.

5. Quan tâm, hỗ trợ NLĐ có hoàn cảnh khó khăn, nhất là về nhà ở, ốm đau và các trường hợp đặc biệt.

6. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; thi, xét nâng bậc lương bảo đảm công khai, đúng quy chế.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN TRONG CÔNG TÁC PHỐI HỢP BẢO VỆ VÀ CHĂM LO QUYỀN LỢI CỦA NLĐ

1. Phối hợp với Giám đốc chỉ đạo tổ chức Hội nghị NLĐ các cấp, xây dựng và triển khai Thỏa ước LĐTT đúng quy định pháp luật, với nhiều quyền lợi cao hơn cho NLĐ. Chủ động đối thoại định kỳ, kịp thời nắm bắt và giải quyết kiến nghị của NLĐ.

2. Tham gia xây dựng, góp ý các quy chế, quy định liên quan đến NLĐ; phối hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động, Nội quy lao động, triển khai hiệu quả Quy chế dân chủ cơ sở; nâng cao hoạt động Ban Thanh tra nhân dân và tiểu ban tại đơn vị.

3. Tăng cường công tác ATVSLĐ: phối hợp tuyên truyền, huấn luyện, kiểm tra, phát huy hiệu quả mạng lưới ATVSV; đề xuất cải thiện điều kiện làm việc cho NLĐ.

4. Phối hợp duy trì và thực hiện tốt các chế độ phúc lợi đặc thù theo Thỏa ước LĐTT và các quy chế thống nhất với chuyên môn: khuyến khích tiền lương, hỗ trợ NLĐ nghỉ hưu, tham quan nghỉ mát, điều dưỡng, chăm lo con em NLĐ trong các dịp lễ tết.

5. Theo dõi sát tình hình việc làm, thu nhập, kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn; quan tâm thăm hỏi NLĐ ốm đau, gia đình hiếu hỷ; tổ chức chăm lo Tết, Mái ấm Công đoàn, hỗ trợ nhà ở và các hoạt động phúc lợi khác cho NLĐ tại khu tập thể.

6. Nâng cao đời sống văn hóa tinh thần; xây dựng văn hóa công nhân – văn hóa doanh nghiệp; tổ chức phong trào văn nghệ, thể thao; rèn luyện tác phong công nghiệp, nếp sống văn hóa trong toàn Công ty.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 2026, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và HĐQT Công ty, các tổ chức, đơn vị trong Công ty cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và các đoàn thể để chủ động xây dựng kế hoạch,

giải pháp chi tiết triển khai thực hiện kế hoạch năm 2026 nhằm phát huy tối đa sức mạnh của cả hệ thống chính trị, phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống Công ty, thực hiện thắng lợi và toàn diện kế hoạch năm 2026 với mục tiêu **ĐOÀN KẾT - DẪN CHỦ - KỶ CƯƠNG - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN**.

Đề nghị các tổ chức, đơn vị trong Công ty đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn, trao đổi đến người lao động để mọi người hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, phối hợp thực hiện đạt hiệu quả cao trong tất cả các mặt sản xuất, công tác./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn TKV (e- copy, b/c);
- Đảng ủy, HĐQT (e-copy, b/c);
- Ban KS, Ban GD, CĐ (e-copy);
- Các cổ đông Công ty (e-copy);
- Các tổ chức, đơn vị trong Công ty (e-copy);
- Lưu: TC-HC, KH-VT, VT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tuấn

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện kế hoạch		So sánh (%)	
				Năm 2025	Năm 2024	So KH năm 2025	So cùng kỳ năm 2024
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=5/6
I	CÁC CHỈ TIÊU HIỆN VẬT						
1	SC thiết bị chủ yếu ngành mỏ (PHKD)		50	53	55	106	96,4
1.1	Xe đại xa	Xe	-				
1.2	Xe trung xa, xe cầu các loại	Xe	-				
1.3	Máy khoan các loại (Điện, thủy lực,)	Cái	8	9	5	112,5	180
1.4	Máy xúc các loại	Cái	7	7	8	100	87,5
1.5	Máy gạt, máy san đường	Cái	5	5	3	100	166,7
1.6	Tàu điện, tàu diesel	Cái					
1.7	Thiết bị sàng tuyển, thiết bị khác	Cái	30	32	39	106,7	82,1
2	Chế tạo thiết bị, phụ tùng		1.050	378	1.333	36	28,3
-	CT thiết bị, phụ tùng ngành than	Tấn	450	118	235	26,2	50,3
-	CT thiết bị, phụ tùng ngành khác	Tấn	600	260	1.099	43,3	23,7
2.1	Máy xúc hầm lò các loại	Cái	2				
2.2	Tàu điện các loại	Cái	-				
2.3	Máng cào các loại	Bộ	-				
2.4	Xe goòng các loại	Cái	50				
2.5	Chế tạo xe chuyên dụng	Cái	-				
3	Sản phẩm cơ khí chủ yếu						
3.1	Cán thép chống lò	Tấn	90.000	129.243	114.555	143,6	112,8
3.2	Sản xuất vít thép chống lò	Tấn	40.000	54.881	54.641	137,2	100,4
3.3	Cột chống thủy lực các loại	Cột	5.000	200	1.300	4	15,4
3.4	Xích máng cào các loại	Mét kép	-				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện kế hoạch		So sánh (%)	
				Năm 2025	Năm 2024	So KH năm 2025	So cùng kỳ năm 2024
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=5/6
3.5	Phục hồi thiết bị phụ tùng khác	Tấn	300	92	258	30,5	35,5
II	CÁC CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ						
1	Doanh thu	Tr.đ	2.000.000	2.306.962	2.293.304	115,3	100,6
1.1	Doanh thu sản xuất cơ khí	Tr.đ	1.978.250	2.225.797	2.210.526	112,5	100,7
1.2	Doanh thu sản xuất và dịch vụ khác	Tr.đ	21.250	79.811	82.156	375,6	97,1
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	20.000	78.988	81.100	394,9	97,4
	- Sản xuất oxy - ni tơ	Tr.đ	1.250	823	1.056	65,9	78
1.3	Doanh thu hoạt động TC & khác	Tr.đ	500	1.354	623	270,9	217,4
2	Giá vốn	Tr.đ	1.428.267	1.671.632	1.659.948	117	100,7
2.1	Giá vốn phối thép và thép chống lò	Tr.đ	1.409.867	1.665.903	1.586.004	118,2	105
2.2	Giá vốn kinh doanh vật tư, thiết bị.	Tr.đ	18.400	5.729	73.944	31,1	7,7
3	Giá trị sản xuất	Tr.đ	571.233	633.976	633.357	111	100,1
3.1	Sản xuất cơ khí	Tr.đ	568.383	559.894	625.145	98,5	89,6
3.2	Sản xuất và dịch vụ khác	Tr.đ	2.850	74.082	8.212	2.599,40	902,1
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	1.600	73.259	7.156	4.578,70	1.023,70
	- Sản xuất oxy - ni tơ	Tr.đ	1.250	823	1.056	65,9	78
4	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	Tr.đ	1.983.000	2.286.047	2.276.230	115,3	100,4
4.1	Chi phí trung gian	Tr.đ	1.817.737	2.069.512	2.073.958	113,9	99,8
4.1.1	Nguyên, vật liệu	Tr.đ	1.579.462	1.710.727	1.831.806	108,3	93,4
4.1.2	Nhiên liệu	Tr.đ	102.560	184.963	92.171	180,3	200,7
4.1.3	Động lực	Tr.đ	23.641	25.279	21.026	106,9	120,2
4.1.4	Chi phí khác	Tr.đ	91.783	120.953	99.040	131,8	122,1
4.1.5	Chi phí thuê ngoài	Tr.đ	20.291	27.589	29.915	136	92,2
4.2	Giá trị gia tăng	Tr.đ	166.858	202.791	190.690	121,5	106,3
4.2.1	Tiền lương	Tr.đ	127.893	153.244	136.549	119,8	112,2
	Trong đó: Quỹ lương NQL	Tr.đ	2.794	2.879	2.735	103,1	105,3

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện kế hoạch		So sánh (%)	
				Năm 2025	Năm 2024	So KH năm 2025	So cùng kỳ năm 2024
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=5/6
4.2.2	Bảo hiểm xã hội, y tế, BHTN, KPCĐ	Tr.đ	17.425	16.531	15.101	94,9	109,5
4.2.3	KHTSCĐ	Tr.đ	21.539	33.016	39.040	153,3	84,6
4.3	<i>Kết chuyển CP dở dang trong kỳ</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>-10.000</i>	<i>10.624</i>	<i>6.005</i>		
4.4	<i>Chi phí hoạt động tài chính, khác</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>8.405</i>	<i>3.120</i>	<i>5.578</i>		
5	Lợi nhuận	Tr.đ	17.000	20.916	17.074	123	122,5
	Tỷ lệ LN/VCSH	%	36	45	36	123	122,5
6	Các chỉ tiêu về lao động tiền lương						
6.1	Đơn giá tiền lương (đ/1000 đ giá trị SX)		219	237,18	211,28	108,3	112,3
6.2	Lao động bình quân theo định mức	Người	856	857	857	100,1	100
6.3	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/thg	12.451	14.901	13.278	119,7	112,2
	<i>Trong đó: Tiền lương bình quân NLĐ</i>	1000đ/ng/thg	<i>12.265</i>	<i>14.724</i>	<i>13.098</i>	<i>120,1</i>	<i>112,4</i>
	<i>Tiền lương bình quân VCQL</i>	1000đ/ng/thg	<i>38.799</i>	<i>39.990</i>	<i>40.231</i>	<i>103,1</i>	<i>99,4</i>
7	Giá trị ĐTXD	Tr.đ	11.738	11.738	10.148	100	115,7
III	Nộp ngân sách	Tr.đ	28.962	39.157	24.433	136,4	160,3
IV	Thực hiện các chỉ tiêu giao khoán						
	Doanh thu	Tr.đ		2.306.962	2.293.304		
	Xác định mức tiết kiệm (+), bội chi (-)	Tr.đ		3.916	2.074		

Phụ lục 02

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CÔNG TÁC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH NĂM 2025

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	635.429.968.216	614.489.166.435
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.497.316.938	7.620.885.084
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	303.205.671.758	363.761.526.909
III. Hàng tồn kho	315.749.691.572	234.227.186.860
IV. Tài sản ngắn hạn khác	8.977.287.948	8.879.567.582
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	98.150.172.641	122.981.997.315
I. Tài sản cố định	75.738.837.055	98.024.921.056
II. Tài sản dài hạn khác	22.411.335.586	24.957.076.259
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	733.580.140.857	737.471.163.750
C - NỢ PHẢI TRẢ	661.515.255.466	668.868.032.871
I. Nợ ngắn hạn	646.967.909.866	651.653.926.471
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	444.994.253.732	561.834.536.614
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	979.670.531	4.807.613.291
3. Phải trả người lao động	42.713.363.556	38.588.784.778
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	34.469.152.800	8.851.160.800
5. Phải trả ngắn hạn khác	123.811.469.247	37.571.830.988
II. Nợ dài hạn	14.547.345.600	17.214.106.400
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14.547.345.600	17.214.106.400
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	72.064.885.391	68.603.130.879
I. Vốn chủ sở hữu	71.973.914.482	68.603.130.879
1. Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	6.583.273.841	6.583.273.841
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.417.130.641	15.046.347.038
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	90.970.909	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	733.580.140.857	737.471.163.750

N: 570
CÔNG
CỔ P
HỆ T
VINAC
HANH

Phụ lục 03: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026	Ghi chú
I	SẢN PHẨM CHỦ YẾU			
1	Chế tạo và lắp đặt thiết bị mỏ			
	Máy đào lò	máy	2	
	Sản xuất cột chống thủy lực	cột	2.000	
	Chế tạo thiết bị, phụ tùng	tấn	950	
2	Sản xuất ô tô tải, phương tiện thủy			
3	Sửa chữa lớn, phục hồi thiết bị		47	
	Sửa chữa máy khoan các loại	máy	5	
	Sửa chữa máy xúc các loại	máy	8	
	Sửa chữa xe gạt các loại	xe	2	
	Sửa chữa các thiết bị sàng tuyển, thiết bị khác	TB	32	
4	Sản phẩm cơ khí khác			
4.1	Sản xuất vì lò, thép cán			
	- Sản xuất thép vì lò	tấn	100.000	
	- Chế tạo vì chống lò	tấn	50.000	
4.2	Phục hồi thiết bị, phụ tùng	tấn	300	
5	Sản xuất và kinh doanh khác	Tr.đ	21.000	
	- Sản xuất Ôxy - ni tơ	Tr.đ	1.000	
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	20.000	
6	Doanh thu tài chính và DT khác	Tr.đ	500	
II	CÁC CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ			
1	Doanh thu	Tr.đồng	2.100.000	
1.1	Doanh thu sản xuất sản phẩm cơ khí	tr.đ	2.078.500	
1.2	Doanh thu SX và kinh doanh khác	tr.đ	21.000	
	- Sản xuất Ôxy - ni tơ	Tr.đ	1.000	
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	20.000	
1.3	Doanh thu hoạt động TC & khác	tr.đ	500	
2	Giá vốn	tr.đ	1.492.174	
	- Giá vốn phối thép cán	tr.đ	1.473.174	
	- Giá vốn KD vật tư, thiết bị và hoạt động TC	tr.đ	19.000	
3	Giá trị sản xuất	tr.đ	605.326	
3.1	Giá trị sản xuất cơ khí	tr.đ	603.326	
3.2	Doanh thu SX và kinh doanh khác	tr.đ	2.000	
	- Sản xuất Ôxy - ni tơ	Tr.đ	1.000	
	- Sản xuất, dịch vụ khác	tr.đ	1.000	
4	Tổng chi phí theo yếu tố	tr.đ	2.071.832	
4.1	Chi phí trung gian		1.889.192	
4.2	Tiền lương	tr.đ	140.842	
	Trong đó: VCQL	tr.đ	2.279	

4.3	Bảo hiểm XH, YT, CD, TN	tr.đ	15.828	
4.4	Khấu hao tài sản	tr.đ	22.089	
4.5	Thuế trong giá thành			
4.6	Chi phí tài chính + khác		3.882	
5	Lợi nhuận	Tr.đồng	28.200	
6	Lao động, thu nhập và tiền lương			
6.1	Lao động bình quân	người	815	
	<i>Trong đó (VCQL)</i>	<i>người</i>	6	
6.2	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	14.408	
6.3	Đơn giá tiền lương (không bao gồm quỹ lương người quản lý)	Đồng/1.000 đ GTSX	229	



Số: 1097 /BC-VMC

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO
CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ VIỆC GIÁM SÁT GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông 2026 về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

1. Nhân sự Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên, trong năm 2025 có 02 (hai) lần thay đổi về nhân sự, cụ thể như sau:

T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Văn Tứ	Chủ tịch HĐQT	26/4/2023	25/4/2025
2	Nguyễn Trọng Tốt	Chủ tịch HĐQT	25/4/2025	25/11/2025
3	Phạm Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	25/11/2025	
4	Phạm Minh Tuấn	TV HĐQT, Giám đốc	26/4/2023	
5	Bùi Xuân Hạnh	TV HĐQT không điều hành	26/4/2023	
6	Lê Viết Sự	TV HĐQT không điều hành	26/4/2023	
7	Phạm Thu Hương	TV HĐQT chuyên trách	26/4/2023	

HĐQT đã xây dựng Quy chế hoạt động, các thành viên đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình tại Quyết định số 1457/QĐ-VMC ngày 28/4/2023, đã điều chỉnh tại Quyết định số 5599/QĐ-VMC, ngày 28/11/2025.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để nghe các thành viên HĐQT báo cáo tình hình hoạt động SXKD của Công ty và thảo

luận đề kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, cụ thể:

Năm 2025, HĐQT Công ty đã họp 17 phiên bằng hình thức họp trực tiếp đã thông qua và ban hành 17 Nghị quyết, 03 Quy chế, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và tình hình quản lý tại Công ty, nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025; HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát bộ máy điều hành Công ty nhằm triển khai thực hiện đúng nghị quyết, quyết định ban hành của HĐQT.

Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và báo cáo khi có yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch.

Năm 2025, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

2.2. Chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành quản lý Công ty hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD năm 2025 đề ra.

Kết quả SXKD năm 2025 được thể hiện qua một số các chỉ tiêu chủ yếu sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH năm 2025	TH năm 2024	TH năm 2025	So sánh %	
						So với KH năm	So với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	2.000.000	2.293.304	2.306.962	115,3	100,6
2	Giá trị sản xuất	Tr.đ	571.233	633.357	633.976	110,9	100,1
3	Tổng tiền lương	Tr.đ	127.893	136.549	153.244	119,8	112,2
4	Lao động BQ	Người	856	857	857	99,8	100,0
5	Tiền lương BQ	1.000đ/ng/th	12.451	13.278	14.901	119,6	112,2
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	17.000	17.074	20.916	123,0	122,5
7	Cổ tức	%	≥ 10	10	≥ 10		100,0
8	Giá trị các dự án đầu tư	Tr.đ	11.738 (KH điều chỉnh TKV)	10.148	11.738	100,0	115,7

2.3. Về sử dụng vốn và thực hiện các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	83,32	86,62
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	16,68	13,38
2	Cơ cấu nguồn vốn			

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	90,69	90,18
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	9,31	9,82
	- Nợ phải trả/ Vốn Chủ sở hữu	lần	9,74	9,18
3	Khả năng thanh toán			
	- Hệ số khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	lần	0,58	0,49
	- Hệ số khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	lần	0,94	0,98
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,58	0,72
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	19,40	23,15
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,80	2,27

Trong năm 2025, tình hình tài chính được cải thiện nhiều so với năm 2024, Công ty vẫn luôn bảo đảm nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách với Nhà nước, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định.

Các hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng cũng như các mặt quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất,...hoàn thành toàn diện và vượt mức chỉ tiêu, yêu cầu đề ra.

Tình hình quản lý và sử dụng vốn: Công ty đã bảo toàn được vốn của các cổ đông, tiếp tục đầu tư duy trì sản xuất.

2.4. Về công tác tổ chức cán bộ, phát triển nguồn nhân lực:

- Về công tác tổ chức, cán bộ:
 - + Bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc đối với ông Trần Ngọc Thắng, ông Phạm Thanh Tùng.
 - + Tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực cán bộ theo quy chế ban hành và bổ nhiệm lại các chức danh Trưởng phòng, Quản đốc đúng thời hạn.
 - + Xây dựng, phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ kế cận, hàng năm đều có rà soát, bổ sung.

- Về công tác phát triển nguồn nhân lực: HĐQT đã đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2025 tập trung chỉ đạo: Đào tạo nghề thứ 2, bổ túc nghề và kèm cặp nâng bậc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân, đào tạo cập nhật kiến thức về đầu thầu, quản lý ĐTXD, huấn luyện AT-VSLĐ, PCCC, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý.

2.5. Về công tác đầu tư xây dựng:

Căn cứ kế hoạch đã được HĐQT Công ty và Tập đoàn TKV phê duyệt, năm 2025 Công ty đã hoàn thành và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng:

- Số gói thầu thực hiện: 05/05 gói thầu thiết bị, đạt 100% kế hoạch năm;
- Giá trị thực hiện đầu tư 11,738 tỷ đồng/KH 2025 ban đầu 13,940 tỷ đồng, bằng 84% (bằng 100% theo kế hoạch điều chỉnh năm).
- Các thiết bị sau đầu tư đã đáp ứng các mục tiêu cơ bản sau:
 - + Phù hợp về tính năng kỹ thuật, công nghệ, điều kiện kỹ thuật an toàn;

+ Phù hợp với điều kiện môi trường, mô hình, trình độ quản lý, tổ chức sản xuất của Công ty;

+ Phù hợp với dây chuyền công nghệ sản xuất của Công ty, đáp ứng theo định hướng phát triển của Công ty vào các mặt hàng chiến lược, lâu dài;

+ Các thiết bị được lựa chọn tiên tiến, ứng dụng công nghệ hiện đại, an toàn, đảm bảo độ chính xác cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường;

+ Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

3. Công tác giám sát đối với Giám đốc và người quản lý điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng quản lý, giám sát, chỉ đạo Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty thông qua chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và tổ chức họp hàng tháng, hàng quý giữa HĐQT với Giám đốc và Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự, đầu tư, định hướng phát triển Công ty, các vấn đề phát sinh...vv.

- HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để Giám đốc điều hành sản xuất, chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện tốt Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty và cấp trên.

- Trong quá trình tổ chức hoạt động SXKD năm 2025, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.

Năm 2025, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã triển khai, hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao, thực hiện vượt mức kế hoạch SXKD năm 2025, bảo toàn vốn SXKD; đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động; công tác an ninh trật tự, chính trị, an toàn lao động được giữ vững.

4. Đánh giá, kết luận

Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã chấp hành và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mặc dù còn nhiều yếu tố tác động gây ảnh hưởng bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT và Bộ máy Điều hành Công ty đã nỗ lực để vượt qua khó khăn, hạn chế các ảnh hưởng bất lợi này, kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp nên năm 2025 đã đạt được kết quả tốt.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

1. Tình hình chung

Năm 2026 được dự báo nền kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, chuỗi cung ứng toàn cầu bị ảnh hưởng, giá phụ tùng vật tư, nhiên liệu biến động khó lường, sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình SXKD của Công ty. Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề còn hạn chế. Việc làm, vốn và thị trường, cạnh tranh trong sản xuất tiếp tục gay gắt vẫn là vấn đề thách thức lớn, Công ty phải tiếp tục khắc phục khó khăn, phấn đấu duy trì ổn định sản xuất, giữ vững thị trường từng bước phát triển Công ty theo chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn 2035.

2. Mục tiêu nhiệm vụ năm 2026

- Doanh thu: 2.100 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất: 605,326 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 28,2 tỷ đồng;
- Lao động bình quân theo định mức: 815 người;

- Tổng tiền lương: 140.842 triệu đồng;
- Tiền lương bình quân: 14,408 triệu đồng/người/tháng;
- Cổ tức $\geq 10\%$;
- Giá trị các dự án đầu tư: 13,815 tỷ đồng;
- Bảo toàn và phát triển vốn.

3. Giải pháp thực hiện:

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng lao động công nghệ và đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt, hoàn thiện các quy chế để đảm bảo hoạt động của Công ty bền vững, ổn định, thông suốt và hiệu quả.

Tăng cường giám sát hoạt động của Ban điều hành, tiếp tục đẩy mạnh Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa đảm bảo tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng đối với hàng hóa và dịch vụ để tăng sức cạnh tranh trên thị trường và tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường.

Phối hợp với tổ chức Đảng và đoàn thể trong công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện chính sách tiền lương, tiền công phù hợp với năng suất lao động, công bằng trong phân phối thu nhập.

Trên đây là báo cáo công tác quản trị của HĐQT và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT trong năm 2025. Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN năm 2026./.

Nơi nhận:

- Website: www.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Cổ đông của Công ty (e-copy);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Lưu VT, T.ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Tuấn Ngọc

Số: 1098 /BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội ĐCĐ thường niên Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN;

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN;
- Căn cứ vào quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty. Sau khi soát xét, thẩm định số liệu trên các báo cáo, Ban kiểm soát xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông Công ty kết quả thẩm định như sau:

1. Kết quả thẩm định về Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu về kết quả hoạt động SXKD năm 2025 đã được kiểm toán với những số liệu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.292.714.757.592	2.305.608.116.157
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	33.973.562	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ	2.292.680.784.030	2.305.608.116.157
4	Giá vốn hàng bán	2.133.940.645.687	2.160.941.911.185
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	158.740.138.343	144.666.204.972
6	Doanh thu hoạt động tài chính	234.195.571	175.638.563
7	Chi phí tài chính	5.145.596.511	2.245.552.347
	Trong đó: Chi phí lãi vay	5.145.596.511	2.245.552.347
8	Chi phí bán hàng	43.748.348.941	13.465.400.742
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	92.961.520.399	108.518.767.668
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	17.118.868.063	20.612.122.778
11	Thu nhập khác	389.487.144	1.178.817.112
12	Chi phí khác	433.570.112	874.913.526

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
13	Lợi nhuận khác	(44.082.968)	303.903.586
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.074.785.095	20.916.026.364
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.882.997.952	4.116.762.866
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(118.346.376)	118.346.376
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	13.310.133.519	16.680.917.122
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 CP)	2.834	3.551

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025

Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, thẩm định những số liệu trong báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán được áp dụng cũng như các trình bày về các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, xem xét báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán phát hành.

Ban Kiểm soát có những nhận xét và đánh giá đối với báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được lập đầy đủ theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các quy định của TKV liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính được lập với những số liệu đã được kiểm toán xác nhận. Ban kiểm soát đã kiểm tra, đối chiếu số liệu hạch toán trên các sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh cho thấy BCTC được lập phản ánh trung thực tài sản và nguồn vốn của Công ty tại thời điểm kết thúc năm.

- Rà soát các khuyến nghị và các bút toán đề nghị điều chỉnh của kiểm toán cùng với kết quả kiểm tra, thẩm định số liệu trên BCTC năm 2025 đã được kiểm toán. Ban kiểm soát chưa phát hiện sai lệch mang tính trọng yếu. Các ước tính và xác định của Công ty khi trình bày báo cáo tài chính là hợp lý và thận trọng.

Với kết quả thẩm tra BCTC đã được kiểm toán phát hành, Ban Kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được phản ánh trung thực, minh bạch và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Số liệu báo cáo tài chính năm 2025 được thẩm định như sau:

1. Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU KỲ 01/01/2025	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2025
A	Tài sản ngắn hạn	614.489.166.435	635.429.968.216
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	7.620.885.084	7.497.316.938
1	Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	7.620.885.084	7.497.316.938

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU KỲ 01/01/2025	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2025
II	Các khoản phải thu ngắn hạn	363.761.526.909	303.205.671.758
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	371.202.411.498	317.285.723.846
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.343.601.914	145.840.000
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	22.107.324.172	21.417.632.729
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(33.891.810.675)	(35.643.524.817)
III	Hàng tồn kho	234.227.186.860	315.749.691.572
1	Hàng tồn kho	238.557.315.315	320.068.639.973
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.330.128.455)	(4.318.948.401)
IV	Tài sản ngắn hạn khác	8.879.567.582	8.977.287.948
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	8.876.830.298	4.787.614.175
2	Thuế GTGT được khấu trừ	2.737.284	3.471.734.892
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	717.938.881
B	Tài sản dài hạn	122.981.997.315	98.150.172.641
I	Tài sản cố định	98.024.921.056	75.738.837.055
1	Tài sản cố định hữu hình	98.024.921.056	75.738.837.055
	- Nguyên giá	616.390.614.552	624.205.206.424
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(518.365.693.496)	(548.466.369.369)
2	Tài sản cố định vô hình	-	-
	- Nguyên giá	2.228.444.170	2.228.444.170
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.228.444.170)	(2.228.444.170)
II	Tài sản dài hạn khác	24.957.076.259	22.411.335.586
1	Chi phí trả trước dài hạn	24.838.729.883	22.411.335.586
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	118.346.376	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	737.471.163.750	733.580.140.857
C	Nợ phải trả	668.868.032.871	661.515.255.466
I	Nợ ngắn hạn	651.653.926.471	646.967.909.866
1	Phải trả người bán ngắn hạn	561.834.536.614	444.994.253.732
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	76.484.900	6.655.178.141
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.807.613.291	979.670.531
4	Phải trả người lao động	38.588.784.778	42.713.363.556
5	Chi phí trả trước ngắn hạn	16.439.716	52.709.514
6	Phải trả ngắn hạn khác	382.631.221	79.730.054.592
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.851.160.800	34.469.152.800
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	35.443.667.245	35.525.675.120

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU KỲ 01/01/2025	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2025
10	Quỹ khe thưởng phúc lợi	1.652.607.906	1.847.851.880
II	Nợ dài hạn	17.214.106.400	14.547.345.600
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.214.106.400	14.547.345.600
D	Vốn chủ sở hữu	68.603.130.879	72.064.885.391
I	Vốn chủ sở hữu	68.603.130.879	71.973.914.482
1	Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	6.583.273.841	6.583.273.841
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.046.347.038	18.417.130.641
	- LNST chưa phân phối năm trước	1.736.213.519	1.736.213.519
	- LNST chưa phân phối kỳ này	13.310.133.519	16.680.917.122
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	90.970.909
1	Nguồn kinh phí	-	90.970.909
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	737.471.163.750	733.580.140.857

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	16,68	13,38
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	83,32	86,62
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	90,69	90,18
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	9,31	9,82
	- Nợ phải trả/ Vốn CSH	lần	9,74	9,18
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,58	0,49
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,94	0,98
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,80	2,27
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH	%	19,40	23,15
5	Vòng quay của vốn			
	- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	9,1	6,8
	- Số ngày lưu kho bình quân	Ngày	40,2	53,3
	- Vòng quay các khoản phải thu	vòng	6,3	7,6
	- Kỳ thu tiền bình quân	ngày	58	48
	- Vòng quay các khoản phải trả	vòng	3,8	4,9

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
	- Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	96	75
	- Vòng quay tổng tài sản	Vòng	3,1	3,14
	- Chu kỳ kinh doanh	Ngày	98	101
	- Vòng quay Vốn lưu động	vòng	3,7	3,6

4. Tình hình phân chia lợi nhuận

Năm 2025, Công ty dự kiến kế hoạch trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 là $\geq 10\%$. Việc chi trả cổ tức năm 2025 cho các cổ đông góp vốn, trích lập các quỹ và quỹ thưởng Ban điều hành chỉ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty thông qua Nghị quyết của đại hội thì việc thực hiện phân chia cổ tức và trích lập các quỹ mới có hiệu lực thi hành.

Ban Kiểm soát xin trân trọng được báo cáo Đại hội xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội CĐ thường niên (b/c)
- HĐQT, Ban GD (b/c);
- Các Ủy viên BKS(ecopy;)
- Lưu: BKS, VP.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Hoàng Mạnh Hùng



Số: 1099 /BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

**Về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc năm 2025;
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN đã được sửa đổi bổ sung thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021;

- Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty số 1148/QC-BKS, ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo với Đại hội cổ đông năm 2026 về Báo cáo kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, giám sát hoạt động quản lý đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025; Phương hướng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2026.

PHẦN THỨ NHẤT KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIÁM SÁT NĂM 2025

I. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC

1. Giám sát về hoạt động quản lý của HĐQT trong năm 2025

Thực hiện chức năng giám sát theo Điều số 39 điều lệ Công ty và Điều 11 quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện nhiệm vụ giám sát trong năm 2025 trên các mặt hoạt động như sau:

- Giám sát HĐQT trong việc tổ chức thực hiện các chỉ đạo của TKV, tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất của người đại diện;
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, của TKV, của đơn vị khi biểu quyết, quyết định, chỉ đạo các vấn đề thuộc chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của HĐQT;
- Giám sát trong việc HĐQT ban hành Nghị quyết các kỳ họp trong năm, các quy chế đã ban hành phù hợp với các quy định của TKV và của pháp luật.
- Giám sát hiệu quả kinh doanh của Công ty dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Chủ tịch HĐQT.

Đánh giá của Ban Kiểm soát về hoạt động quản lý của HĐQT:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát trong năm 2025 đối với HĐQT, Ban Kiểm soát nhận thấy HĐQT Công ty đã thực hiện chức năng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đã có nhiều giải pháp chỉ đạo tích cực nhằm duy trì sản xuất kinh doanh ổn định trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

Về thực hiện chức năng quản trị và ban hành quyết nghị:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường theo quy định, ban hành các nghị quyết và quyết định liên quan đến định hướng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, tài chính, tổ chức nhân sự và các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền.

- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành trên cơ sở thảo luận tập thể, đảm bảo tính hợp pháp, phù hợp với định hướng phát triển Công ty và được Ban lãnh đạo điều hành tổ chức triển khai thực hiện.

Về công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua, kế hoạch phối hợp kinh doanh với Tập đoàn các công ty TKV. Thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty và kịp thời đưa ra các chỉ đạo, giải pháp điều hành trọng tâm như; Tổ chức thực hiện các hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đối với các khách hàng trong và ngoài TKV; Triển khai các giải pháp đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động; Tăng cường quản lý vốn và tài sản trong hoạt động sản xuất tại Công ty; Bám sát kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả;

- Công tác điều hành của HĐQT trong năm 2025 đã hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo nguyên tắc đồng thuận, dân chủ, minh bạch;

- Các thành viên HĐQT đã chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo lĩnh vực được phân công đảm bảo đúng Pháp luật. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền là cơ sở để Ban lãnh đạo điều hành tổ chức thực hiện các mặt quản lý tại Công ty;

- Việc chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 đề ra như Doanh thu, giá trị sản xuất, tổng quỹ tiền lương, lợi nhuận đã thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức theo kế hoạch. Trong đó các chỉ tiêu gắn với quyền lợi của cổ đông như: Lợi nhuận sau thuế, thu nhập tiền lương bình quân, tỷ lệ chia cổ tức đều đạt và vượt so với kế hoạch, vốn đầu tư của các chủ sở hữu được bảo toàn.

Thông qua việc chỉ đạo công tác điều hành sản xuất kinh doanh và các mặt quản lý của Công ty trong năm 2025 của HĐQT, Ban Kiểm soát đánh giá từng thành viên HĐQT làm việc cẩn trọng, nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao trước Đại hội đồng cổ đông, điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, đảm bảo vai trò định hướng phát triển Công ty ổn định. Tập thể các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần đoàn kết vì mục tiêu chung là quản lý, điều hành Công ty đúng pháp luật và hiệu quả.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động quản trị trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đầu tư mua sắm, trong quản lý vốn và tài sản bảo đảm sự phát triển ổn định trong thời gian tới. Ban Kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Đề nghị HĐQT tiếp tục bổ sung, hoàn thiện quy chế quản lý, sử dụng và thanh lý TSCĐ để làm cơ sở cho việc đánh giá phân loại những TSCĐ đã hết khấu hao không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh để bán thu hồi vốn.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành lại quy chế quản lý tài chính theo quyết định số 886/QĐ-VMC ngày 05 tháng 04 năm 2022 và quy chế quản lý

công nợ số 2616/QĐ-VMC ngày 06 tháng 09 năm 2022 để phù hợp với quy chế quản lý của TKV.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực quản trị chi phí, giá thành sản xuất, xử lý đối với các nhóm hàng tồn kho chậm luân chuyển có niên hạn tồn kho trên 12 tháng.

2. Giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc

Trong năm 2025, Ban lãnh đạo điều hành đã tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, các nghị quyết của HĐQT, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chức năng và nhiệm vụ được phân công theo Quyết định số 388/QĐ-VMC ngày 01 tháng 02 năm 2025 V/v ban hành quy định về nguyên tắc, mối quan hệ giải quyết công việc và phân công nhiệm vụ Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

- Ban điều hành đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, các Nghị quyết của HĐQT từng kỳ họp để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức thực hiện đồng bộ Nghị quyết của Đại hội đồng thường niên năm 2025 và các nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 có hiệu quả.

- Chủ động xây dựng và ban hành nhiều quyết định quan trọng để làm cơ sở điều hành như: Ban hành các giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện KHSXKD và kế hoạch quản lý phòng ngừa rủi ro năm 2025; Ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2025 của các đơn vị trong Công ty và nhiều quyết định, quy định, chỉ thị có liên quan đến hoạt động quản lý, hoạt động sản xuất của Công ty...

- Thực hiện các giải pháp trong điều hành Dự án cán thép đạt sản lượng trên 129 ngàn tấn đạt 143,6% so với kế hoạch, đáp ứng đủ nhu cầu thép phục vụ các đơn vị khai thác than hầm lò trong toàn Tập đoàn và có nguồn dự trữ cho quý I năm sau là **11.538,14 tấn** với giá trị **178,18** tỷ đồng.. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tăng cường sự phối hợp để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, rà soát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất theo kế hoạch phối hợp kinh doanh với các đơn vị trong và ngoài ngành để chủ động trong khâu sản xuất; chú trọng công tác thực hành tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh như mua sắm vật tư theo nhu cầu của sản xuất, đảm bảo mức tồn kho hợp lý để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; Áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào trong sản xuất để tiết kiệm chi phí sản xuất; Trong đó tiếp tục sử dụng Dầu FO-R thay thế cho dầu FO để nung phôi; Linh hoạt trong việc sử dụng vốn vay ngắn hạn ngân hàng qua đó giảm được chi phí lãi vay/Doanh thu từ 0,224% năm 2024 xuống còn 0,097% năm 2025 qua đó tiết kiệm được chi phí lãi vay vốn ngắn hạn 43,3% so với năm 2024; trong đầu tư xây dựng cơ bản mua sắm theo hình thức chào thầu qua mạng đấu thầu quốc gia đảm bảo tính minh bạch và tiết kiệm chi phí đầu tư; các khoản chi phí bằng tiền khác như hội nghị, khánh tiết, lễ tân, công tác phí đều đảm bảo chi tiêu theo quy chế chi tiêu nội bộ và quy định thanh toán hạn chế dùng tiền mặt để nâng cao hiệu quả quản trị chi phí;

- Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc tìm kiếm việc làm, chủ động làm việc với các đơn vị trong TKV để thực hiện tốt hợp đồng phối hợp kinh doanh về sửa chữa thiết bị, về chế tạo phụ tùng cơ khí, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty luôn được ổn định;

- Đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chấp hành đúng theo các quy định của Chủ sở hữu TKV, điều hành mọi hoạt động của Công ty theo các quyết định, quy định về quản trị nội bộ đã ban hành, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả đảm bảo quyền lợi cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

- Việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch.

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – tiêu thụ chủ yếu năm 2025

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH
A	B	c	1	2	3
A	SẢN XUẤT				
I	Chế tạo thiết bị		500	207	41
	- Thiết bị ngành than	Tấn	200	11	5,6
	- Cột chống thủy lực các loại	Cột	5.000	80	1,6
	- Máy xúc VMC 500	Máy	2	-	-
	- Xe gòong 3 tấn	Xe	50	-	-
	- Thiết bị khác	Tấn	300	196	65,4
II	Chế tạo & phục hồi phụ tùng		850	443	52
	- Phụ tùng ngành than	Tấn	250	288	115,2
	- Phụ tùng khác	Tấn	300	64	21,4
	- Phục hồi phụ tùng	Tấn	300	91	30,5
	- Vi chống lò các loại	Tấn	40.000	54.707	136,8
	- Thép cán vi lò	Tấn	90.000	129.242	143,6
III	Sửa chữa thiết bị xe máy		50	53	106
	- Các loại máy gạt, san đường	Cái	5	5	100
	- Các loại máy xúc 4,6; 5A...	Cái	7	3	42,8
	- Máy xúc thủy lực, xúc đá	Cái		4	-
	- Máy khoan điện, khoan thủy lực	Cái	8	9	112,5
	- Thiết bị khác	Cái	30	32	106,7
B	TIÊU THỤ				
I	Chế tạo thiết bị		500	214	42,8
	- Thiết bị ngành than	Tấn	200	17,8	8,9
	- Cột chống thủy lực các loại	Cột	5.000	200	4
	- Máy xúc VMC 500	Máy	2	-	-
	- Xe goòng 3 tấn	Xe	50	-	-
	- Thiết bị khác	Tấn	300	196	65,4
II	Chế tạo & phục hồi phụ tùng		850	255	30
	- Phụ tùng ngành than	Tấn	250	100,06	40
	- Phụ tùng khác	Tấn	300	63,7	21,2
	- Phục hồi phụ tùng	Tấn	300	91,5	30,5
	- Vi chống lò các loại	Tấn	40.000	54.881	106,9
	- Thép cán vi lò bán ra	Tấn	52.000	67.500	106,8
III	Sửa chữa thiết bị xe máy		50	53	106
	- Các loại máy gạt	Cái	5	5	100
	- Các loại máy xúc 4,6; 5A...	Cái	7	3	42,8
	- Máy xúc thủy lực, xúc đá	Cái		4	-

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH
	- Máy khoan xoay cầu	Cái	8	9	112,5
	- Thiết bị khác	Cái	30	32	106,7
IV	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.000.000	2.306.962	115,3
V	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	17.000	20.916	123,0
VI	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương				
1	Lao động định mức	người	856	857	100,1
2	Tiền lương bq theo lao động định mức	Tr đ/ng/thá ng	12.451	14.901	119,7
3	Chỉ tiêu hướng dẫn đơn giá tiền lương				
	- Sản xuất cơ khí (không bao gồm quỹ lương viên chức)	đ/1000 đ DT	238	238	100
VII	Giá bán sản phẩm				
	- Giá bán bình quân thép cán	đ/tấn	17.500.00	16.491.000	94,23
	- Giá bán bình quân vì lò	đ/tấn	19.620.000	18.117.000	92,33

2.2 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025	Tỷ lệ %
1. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	Tr đ	28.692	39.157	136,4
2. Vay ngắn hạn ngân hàng	Tr đ	100.000	27.000	27
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	đ	2.834	3.551	125,3
4. Vòng quay VLĐ	vòng		3,6	
5. Tỷ suất LN trước thuế/Vốn CSH	%	19,82	29,06	146,6
6. Tỷ suất LN sau thuế/ Tổng TS	%	1,84	2,27	123,4
7. Hệ số nợ phải trả/ Vốn CSH	Lần	9,3	9,19	98,8
8. Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	0,94	0,98	104,2

2.3. Đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Ban Giám đốc:

Thông qua việc chỉ đạo công tác điều hành sản xuất kinh doanh và các mặt quản lý của Công ty trong năm 2025, Ban Kiểm soát ghi nhận sự quyết tâm, sự năng động của từng thành viên trong tập thể Ban lãnh đạo điều hành đã có nhiều cố gắng trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất theo nhiệm vụ được phân công trong năm qua đều hướng tới lợi ích chung của Công ty, của các cổ đông, đảm bảo vai trò định hướng phát triển Công ty luôn ổn định và có sự tăng trưởng trong hoạt động sản xuất. Việc làm, thu nhập của người lao động được đảm bảo, đời sống vật chất tinh thần của người lao động phấn khởi, tự tin, các nghĩa vụ đóng góp với Ngân sách Nhà nước và địa phương đầy đủ. Tập thể các thành viên Ban Giám đốc luôn thể hiện tinh thần đoàn kết vì mục tiêu chung là quản lý, điều hành Công ty hoạt động theo đúng pháp luật và sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Trên cơ sở kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và việc quản lý tài chính của Công ty trong năm 2026, Ban Kiểm soát kiến nghị Ban lãnh đạo điều hành tiếp tục quan tâm chỉ đạo, tăng cường các biện pháp quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

Về công tác điều hành sản xuất:

- Tăng cường công tác lập và kiểm soát kế hoạch sản xuất phù hợp với năng lực thiết bị, nhu cầu thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện tốt công tác cân đối giữa kế hoạch sản xuất và kế hoạch cung ứng vật tư, hạn chế tình trạng sản xuất dở dang kéo dài hoặc tồn kho bán thành phẩm, sản phẩm dở dang lớn.

- Đẩy mạnh các giải pháp nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí sản xuất, kiểm soát chặt chẽ định mức vật tư và chi phí sản xuất.

Về quản lý hàng tồn kho:

- Tăng cường kiểm soát việc lập kế hoạch mua sắm vật tư và quản lý tồn kho, đảm bảo tỷ lệ tồn kho phù hợp với nhu cầu sản xuất thực tế.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình tồn kho chậm luân chuyển, tồn kho lâu năm, có biện pháp xử lý kịp thời nhằm hạn chế rủi ro ứ đọng vốn.

- Hoàn thiện quy trình kiểm kê, đối chiếu tồn kho định kỳ, đảm bảo số liệu tồn kho phản ánh đúng thực tế giữa số lượng và giá trị, chất lượng của hàng hóa tồn kho.

Về công tác mua sắm vật tư phục vụ sản xuất

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình lựa chọn nhà cung cấp và mua sắm vật tư, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

- Tăng cường kiểm soát việc mua sắm vật tư theo nhu cầu sản xuất và định mức tiêu hao, tránh tình trạng mua sắm vượt nhu cầu gây tồn kho lớn.

- Thực hiện tốt việc so sánh báo giá, đánh giá nhà cung cấp, đảm bảo tính cạnh tranh, minh bạch và hiệu quả trong mua sắm.

Về quản lý công nợ

- Tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ phải thu, đặc biệt đối với các khoản nợ quá hạn hoặc có dấu hiệu khó thu hồi.

- Xây dựng và thực hiện chính sách tín dụng linh hoạt, hạn chế phát sinh công nợ mới có rủi ro cao.

- Thực hiện đối chiếu công nợ định kỳ với khách hàng và nhà cung cấp, đảm bảo số liệu công nợ chính xác, minh bạch.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

Trong năm 2025, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, đã tiến hành các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch kiểm soát năm 2025 và triển khai các nhiệm vụ kiểm soát theo nội dung kế hoạch;

- Giám sát công tác điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2025; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT đã ban hành trong từng kỳ họp đối với hoạt động sản xuất và quản lý tại Công ty; Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh của Công ty với các công ty TKV;

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng thành viên HĐQT, Ban Giám đốc. Ban kiểm soát giám sát theo nhiệm vụ được phân công đối với các thành viên HĐQT tại các Quyết định số 2509/QĐ-VMC ngày 18/06/2025 về việc Phân công nhiệm

vụ thành viên HĐQT; Quyết định số 388/QĐ-VMC ngày 01/02/2025 về việc ban hành quy định về nguyên tắc, mối quan hệ giải quyết công việc và phân công nhiệm vụ Ban Giám đốc Công ty.

- Đối với các cán bộ quản lý gồm các Trưởng, Phó phòng ban; Quản đốc, Phó quản đốc các phân xưởng giám sát theo thực thi nhiệm vụ được lãnh đạo Công ty giao và quy chế quản lý cán bộ do Công ty ban hành.

- Giám sát việc điều hành và thực hiện kế hoạch SXKD theo từng tháng, quý, đánh giá đúng mức độ hoàn thành kế hoạch của từng tháng để có giải pháp điều hành sản xuất, tiêu thụ sát với điều kiện thực tế của Công ty;

- Giám sát việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo chế độ báo cáo. Kiểm tra việc ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh, việc hạch toán kết quả hoạt động SXKD của từng quý trong năm.

- Giám sát việc thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch, việc quyết toán các công trình đầu tư đưa tài sản cố định vào hoạt động, việc thực hiện tiến độ sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên tài sản cố định có trong kế hoạch.

- Giám sát các đơn vị trong Công ty đối với việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; quy chế khoán quản trị chi phí trong nội bộ Công ty; các quyết định về ban hành đối với giá bán thép cán và vì chống lò; Xem xét việc hạch toán giá thành sản phẩm nhập kho đối với hàng chế tạo cột chống thủy lực các loại, chế tạo răng gầu, các loại bánh răng và sửa chữa thiết bị mỏ.

- Kiểm tra việc thực hiện mua sắm TSCĐ, công tác quyết toán các dự án đầu tư đã hoàn thành; tình hình trích khấu hao TSCĐ và quản lý tài sản theo quy định, việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất; việc quản lý công nợ và tình hình trích lập dự phòng;

- Kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng kinh tế về bán hàng và mua hàng, tình hình cho vay mượn hàng hóa khi chưa hoàn tất các thủ tục bán hàng đối với một số đơn vị để có ý kiến trong công tác quản lý và đôn đốc hoàn thiện thủ tục giao hàng, xuất hóa đơn;

- Kiểm tra việc thực hiện các chế độ thu, nộp ngân sách với Nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ trong Công ty;

- Thực hiện soát xét và thẩm định báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính các quý trong năm 2025, lập báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025 đảm bảo các số liệu được phản ánh tin cậy tình hình sản xuất kinh doanh cũng như thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.

- Tham gia vào việc xây dựng, sửa đổi và ban hành các Quy chế có liên quan đến công tác quản lý điều hành tại Công ty;

2. Kết quả giám sát thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết năm 2025

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 25/4/2025. Kết thúc năm tài chính 2025, Công ty đã thực hiện một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHCĐ năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1. Tổng doanh thu	Tr.đ	2.000.000	2.306.962	115,3
2. Giá trị sản xuất	Tr.đ	571.233	633.976	111,0

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHCĐ năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ hoàn thành (%)
3. Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	127.893	153.244	119,8
4. Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/thg	12,451	14,901	119,7
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	17.000	20.916	123,0
6. Lao động định mức	Người	856	857	100,1
7. Cổ tức	%	≥10	≥10	100
8. Giá trị các dự án đầu tư	Tr.đ	11.738	11.738	100
9. Hệ số nợ/Vốn CSH	Lần	9,3	9,19	98,8

3. Kiểm soát các mặt hoạt động khác

3.1. Kiểm soát về quản lý và sử dụng vật tư:

Trong năm 2025, Công ty thực hiện công tác quản lý, mua sắm, sử dụng vật tư theo quyết định số 1027/QĐ-VMC ngày 01/04/2024 V/v Ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN.

Công ty đã thành lập các tổ thẩm định, tư vấn trong công tác lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa trong lĩnh vực sửa chữa thiết bị, thuê ngoài vận chuyển, thuê gia công sản phẩm, mua sắm vật tư hàng hóatheo yêu cầu quản lý của Công ty, phù hợp với quy chế về quản lý và sử dụng vật tư của TKV quy định.

Trong năm 2025 giá trị thực hiện hợp đồng mua vật tư, hàng hóa là 2.026,91 tỷ/2.301,57 tỷ đồng; Trong đó mua trong TKV là 1.787,06 tỷ/2.022,93 tỷ đồng, chiếm 88,16% tổng giá trị thực hiện hợp đồng mua; Mua ngoài ngành là 239,85 tỷ đồng/278,64 tỷ đồng, chiếm 11,84 % tổng giá trị thực hiện hợp đồng mua vật tư hàng hóa trong năm 2025.

- Giá trị mua hàng trong TKV có ký hợp đồng: 1.787,06 tỷ đồng/1.787,06 tỷ đồng; trong đó mua: (Phôi thép: 136.643,25 tấn bằng 1.754,48 tỷ đồng; Nhiên liệu bao gồm Dầu ma zut, Dầu tái sinh; Mỡ máy, dầu nhớt, than cục: 22,41 tỷ đồng).

- Giá trị mua ngoài TKV có hợp đồng: 238,26 tỷ đồng/239,85 tỷ đồng, chiếm 99,33 % tổng giá trị mua ngoài TKV có hợp đồng (Gồm mua sắt thép chế tạo, phụ tùng sửa chữa các thiết bị máy móc, hàng hóa vật tư khác...)

- Hình thức thực hiện hợp đồng mua vật tư hàng hóa chủ yếu áp dụng hình thức báo giá cạnh tranh, chào giá rút gọn. Công ty đã thực hiện đúng quy định theo Quy chế quản lý công tác mua sắm vật tư đã ban hành.

3.2. Về công tác sửa chữa lớn:

Theo kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025 có giá trị là 14.450 triệu đồng. Đến 31/12/2025 Công ty đã thực hiện 17/19 hạng mục sửa chữa lớn theo kế hoạch. Giá trị sửa chữa lớn thực hiện 11.659,27 triệu đồng/14.450 triệu đồng, bằng 80,68% so với KH. Trong đó còn 02 hạng mục sửa chữa là Hệ thống điều khiển động cơ cán; Máy phay giường 6Y612 không thực hiện. Giá trị chi phí sửa chữa lớn phân bổ vào chi phí sản xuất trong năm đảm bảo phù hợp với thời gian sử dụng của tài sản sau sửa chữa lớn.

Căn cứ vào giá trị thực hiện hoàn thành sửa chữa lớn năm 2025, Công ty đã phân bổ giá trị vào chi phí sản xuất trong năm theo thời gian dự kiến sử dụng của từng tài sản sau sửa chữa lớn là 12 tháng và 24 tháng.

3.3. Về trích lập dự phòng nợ khó đòi, hàng tồn kho:

- Việc trích lập dự phòng phải thu công nợ khó đòi, hàng tồn kho kém mất phẩm chất, chậm luân chuyển Công ty thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 đảm bảo đúng chế độ và tỷ lệ trích lập dự phòng.

- Giá trị trích lập dự phòng phải thu công nợ khó đòi trong năm 2025 đã trích là: 1.751,71 triệu đồng, trong đó trích lập dự phòng phải thu của Ban Quản lý Dự Án Nhà máy Tuyển than Khe Châm Vinacomin là 1.350,1 tr đồng; Ban quản lý dự án tổ hợp Bauxit - Nhôm Lâm Đồng là 151,43 tr đồng; Công ty Nhiệt điện Sơn động do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ trên số nợ phải thu có gốc ngoại tệ là 334,04 tr đồng. Giảm trích lập dự phòng Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản và Dịch vụ - Vinacomin là 63.862.500 đồng.

3.4. Về thực hiện đầu tư năm 2025:

- Thông báo điều chỉnh kế hoạch số 7130/TKV-ĐT ngày 12/12/2025 của TKV, theo đó KH đầu tư năm 2025 bao gồm:

Tổng số: 11.738 triệu đồng, trong đó:

- Dự án đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ sản xuất năm 2024-2025(chi phí kiểm toán, thẩm tra, quyết toán dự án): 63 triệu đồng;

- Dự án ĐTDT PTSX năm 2025-2026 : 11.675 triệu đồng

Kết quả thực hiện các dự án đầu tư năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Thông báo 7130/TKV-ĐT ngày 12/12/2025 ;	Thực hiện đến 31/12/2025	Tỷ lệ %/TH/ KH
	TỔNG SỐ	11.738	11.738	100
B	Kế hoạch năm 2025	11.738	11.738	
I	Dự án chuyển tiếp			
1	Dự án đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ sản xuất năm 2024-2025	63	63	
	Chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán	63	63	
II	Dự án khởi công mới			
I	Dự án đầu tư duy trì PTSX năm 2025-2026			
1	Lập BCKT-KT, lập HSMT, đánh giá HSDT...	70	70	
2	Gói số 1: Máy đập trực khuấy >400 tấn	3.267	3.267	
3	Gói số 2: Lò trung tần 1,5 tấn	2.063	2.063	
4	Gói số 3: Máy xọc thủy lực	1.368	1.368	
5	Gói số 4: Máy khoan cần	2.778	2.778	
6	Gói số 5: Máy cưa vòng, máy hàn hồ quang...	2.129	2.129	

3.5. Đánh giá về công tác đầu tư năm 2025:

- Công ty triển khai thực hiện về đầu tư theo đúng kế hoạch đã được điều chỉnh theo Thông báo số 7130 ngày 12/12/2025 của TKV.

- Việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và phê duyệt đối với từng dự án trên cơ sở bổ sung năng lực thiết bị cho sản xuất. Việc chuyển bước từ kế hoạch chuẩn bị dự án, dự phòng lên kế hoạch chính thức thi công đều được báo cáo TKV cụ thể và làm theo đúng quy định.

- Các gói thầu của các dự án đầu tư đều áp dụng hình thức: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, hình thức hợp đồng trọn gói.

- Về giám sát quá trình đầu tư các dự án thực hiện trong năm 2025 của 05 gói thầu, Công ty đã thực hiện đầy đủ các bước đảm bảo tính tuân thủ của pháp luật khi thực hiện các dự án đầu tư (từ khi lập BCKT-KT đến khâu cuối cùng là quyết định tăng TSCĐ trải qua 30 bước). Dự án đang trong thời gian chuẩn bị kiểm toán công trình đã hoàn thành, chưa được phê duyệt quyết toán theo quy định.

4. Kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng bán hàng năm 2025

- Tổng giá trị hợp đồng ký đến thời điểm 31/12/2025 là: 2.282,3 tỷ đồng; Trong đó giá trị hợp đồng đã ký trong năm 2024 chuyển sang năm 2025 là 18,1 tỷ đồng; Hợp đồng đã ký trong năm 2025 là 2.264,2 tỷ đồng; giá trị hợp đồng đã thực hiện trong năm 2025 là 2.239,42 tỷ đồng; Giá trị hợp đồng đã ký nhưng các đơn vị không thực hiện 12,43 tỷ đồng; Giá trị hợp đồng còn lại chuyển sang thực hiện năm 2026 là 30,35 tỷ đồng(Trong đó các đơn vị trong TKV: 21,27 tỷ đồng; các đơn vị ngoài TKV gồm Công ty CP Tập đoàn VAS Nghi sơn 8,95 tỷ đồng; Công ty CP gang thép Thái nguyên 122,7 triệu đồng).

5. Kiểm soát về quỹ tiền lương, tiền thưởng.

5.1. Quản lý quỹ tiền lương và phân phối thu nhập:

Quỹ tiền lương theo đơn giá kế hoạch năm 2025 được TKV phê duyệt là 219 đ/1000 đ GTSX. Tổng quỹ tiền lương kế hoạch theo đơn giá là 127.893 tr đồng; trong đó quỹ lương của người quản lý là 2.794 tr đồng.

Ngày 19/12/2025 TKV có Công văn số 7326/TKV-KH Thông báo về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2025. Theo đó đơn giá tiền lương(không bao gồm tiền lương người quản lý) là 238đ/1000 đGTSX. Quỹ lương thực hiện được trích trong giá thành 153.498 triệu đồng; Trong đó quỹ lương của người quản lý là 2.879,2 tr đồng.

Thu nhập bình quân của người lao động đạt 14,94 trđ/ng/tháng, tăng 20% so với kế hoạch. Tiền lương đã được Công ty trả đủ, chính xác vào sổ lương của cá nhân người lao động theo từng tháng trong năm.

5.2 Quản lý quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng NQL.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Người quản lý trong năm được trích là 8.612,78 tr đồng đã chi cho các tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm và chi cho các hoạt động khác là: 10.038,15 triệu đồng. Đến 31/12/2025 quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành dư 1.847,85 triệu đồng. Trong đó quỹ khen thưởng còn dư 1.470,18 triệu đồng;

Việc sử dụng quỹ khen thưởng để chi cho các hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện theo Quyết định số 2615/QĐ-VMC ngày 06/09/2022 V/v Ban hành Quy chế quản lý quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

III. ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025.

Với thái độ nghiêm túc trong hoạt động kiểm tra, giám sát. Trong năm 2025 Ban Kiểm soát đã cơ bản thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ giám sát các hoạt động sản xuất, tiêu thụ và các mặt hoạt động quản lý của Công ty; Giám sát hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh đối với Ban lãnh đạo điều hành và các cán bộ quản lý theo điều lệ của Công ty; thực hiện các hoạt động kiểm tra giám sát theo kế hoạch kiểm soát đã được xây dựng từ đầu năm 2025; giám sát toàn bộ quá trình quản lý sử dụng vốn và tài sản tại Công ty theo các quy định của pháp luật, của Chủ sở hữu và quy định của Công ty; giám sát công tác hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính từng quý, báo cáo thống kê sản xuất, thống kê ĐTXD cơ bản; các hoạt động kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh tại Công ty; công tác điều hành đối với hàng hóa, vật tư, thành phẩm, bán thành phẩm, sản phẩm dở tồn kho vượt quá chu kỳ sản xuất cần được hoàn thiện để có ý kiến với Ban Lãnh đạo Công ty có hướng giải quyết.

Với các hoạt động của Ban Kiểm soát đã thực hiện trong năm 2025, Ban Kiểm soát khẳng định việc kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, điều hành sản xuất đối với Công ty trong năm 2025 đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật, góp phần vào thành quả chung của Công ty là sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn và hiệu quả.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, ban Giám đốc điều hành.

Hoạt động của Ban Kiểm soát đã tuân thủ đúng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và hiệu quả.

- Giúp HĐQT đánh giá hoạt động sản xuất, hoạt động quản lý trên các mặt để lập báo cáo Chủ sở hữu về việc chấp hành pháp luật, tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu theo từng quý;

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công trong Ban Giám đốc, Ban kiểm soát đã phối hợp với từng đồng chí trong ban Ban Giám đốc theo lĩnh vực được phân công để trao đổi công việc có liên quan đến sản xuất, tiêu thụ; trong quản lý đầu tư mua sắm tài sản; trong công tác tìm kiếm thị trường và quản trị chi phí; trong việc quản lý hàng tồn kho có thời gian tồn kho trên 12 tháng(bao gồm kho Nguyên vật liệu, kho thành phẩm và sản phẩm dở chưa hoàn thành...) tại Công ty để có các ý kiến, kiến nghị với từng cấp quản lý.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Những lưu ý, kiến nghị của Ban Kiểm soát luôn được Ban Giám đốc ghi nhận về công tác chuyên môn trong công tác quản lý đối với hoạt động sản xuất, hoạt động quản lý tại Công ty. Trong năm 2025 Ban Kiểm soát chưa nhận được bất cứ ý kiến phản hồi cũng như đơn thư tố cáo, khiếu nại của các cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát trong việc quản lý và điều hành công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Tồn tại, hạn chế

Trong năm vừa qua, Ban Kiểm soát tuy đã có nhiều cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ với tinh thần và trách nhiệm vì sự ổn định của Công ty và vì quyền lợi của

các cổ đông. Tuy nhiên việc triển khai theo kế hoạch kiểm soát đã xây dựng từ đầu năm vẫn còn một số hạn chế chưa được tập trung nhiều như:

3.1 Hạn chế trong giám sát hoạt động sản xuất – kinh doanh:

- Công tác giám sát của Ban Kiểm soát chủ yếu được thực hiện thông qua báo cáo định kỳ của Ban điều hành, việc kiểm tra trực tiếp tại các phân xưởng, đơn vị sản xuất chưa được thực hiện thường xuyên.

- Việc phân tích các chỉ tiêu sản xuất (năng suất, tiêu hao vật tư, hiệu suất thiết bị, chi phí sản xuất) chưa được thực hiện sâu theo từng sản phẩm, từng đơn vị sản xuất, do hạn chế về nguồn lực và hệ thống dữ liệu.

- Quá trình giám sát còn mang tính hậu kiểm, chưa phát hiện sớm các rủi ro trong quá trình tổ chức sản xuất.

3.2 Trong giám sát hoạt động đầu tư, mua sắm

- Công tác giám sát các dự án đầu tư, mua sắm tài sản chủ yếu thực hiện thông qua hồ sơ và báo cáo do các phòng chuyên môn cung cấp, chưa có điều kiện theo dõi đầy đủ tiến độ thực hiện và hiệu quả khai thác sau đầu tư.

- Việc đánh giá hiệu quả đầu tư sau khi dự án hoàn thành chưa được thực hiện đầy đủ theo phương pháp đánh giá hậu kiểm.

- Ban Kiểm soát chưa tham gia sâu vào giai đoạn lập kế hoạch đầu tư, nên khả năng phát hiện sớm rủi ro còn hạn chế.

3.3 Hạn chế trong giám sát hàng tồn kho

- Công tác kiểm tra thực tế hàng tồn kho đã rất chú trọng nhưng chưa được thường xuyên tại tất cả các kho vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở, bán thành phẩm mà chủ yếu dựa vào kết quả kiểm kê định kỳ hàng năm của Công ty.

- Việc phân tích vòng quay hàng tồn kho, cơ cấu tồn kho chậm luân chuyển, tồn kho vượt chu kỳ sản xuất chưa được thực hiện một cách hệ thống.

3.4 Hạn chế trong giám sát công nợ

- Công tác giám sát công nợ phải thu chủ yếu dựa trên báo cáo tổng hợp của bộ phận tài chính – kế toán, thực hiện phân tích sâu theo từng khách hàng và rủi ro công nợ đã có cảnh báo nhưng chưa được xử lý hiệu quả.

- Việc đánh giá khả năng thu hồi công nợ, công nợ quá hạn và các biện pháp đề xuất xử lý chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Nguyên nhân của các hạn chế

- Ban Kiểm soát không phải là bộ phận điều hành, quyền tiếp cận thông tin và dữ liệu chi tiết còn phụ thuộc vào hệ thống báo cáo của Công ty.

- Nguồn lực của Ban Kiểm soát còn hạn chế do các ủy viên Ban kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm, am hiểu về các lĩnh vực sản xuất, hoạt động quản lý còn hạn chế trong khi phạm vi giám sát bao trùm nhiều lĩnh vực hoạt động.

- Hệ thống báo cáo quản trị và dữ liệu phân tích của các phòng chuyên môn trong Công ty chưa cập nhật có tính hệ thống để đáp ứng yêu cầu quản trị theo các quy định đã ban hành.

5. Biện pháp khắc phục

- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

049
TY
IN
MAY
MIN
QU

- Tập trung kiểm tra, kiểm soát theo kế hoạch đã được xây dựng từ đầu năm, kiểm tra theo chuyên đề. Tăng cường kiểm tra giám sát trước và trong quá trình tổ chức thực hiện tại các đơn vị được kiểm tra.

- Đẩy mạnh phân tích các chỉ tiêu tài chính, vốn lưu động, tồn kho và công nợ.

- Nâng cao năng lực và phát huy vai trò của kiểm soát ở mức cao nhất, nỗ lực hơn nữa trong việc tiếp nhận thông tin, tăng cường giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý. Ban Kiểm soát rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp của quý vị cổ đông, của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng chức năng trong Công ty để giúp Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

- Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty đã quy định. Thay mặt cổ đông thực hiện giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Định kỳ hàng quý thẩm tra tính trung thực số liệu của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Tham mưu với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc về các ý kiến chuyên môn trong lĩnh vực quản lý và sử dụng tài sản nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản tại Công ty.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát theo chương trình kế hoạch kiểm soát đã lập nhằm hạn chế rủi ro và gian lận trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản lý.

- Thực hiện kiểm soát định kỳ hàng quý, đột xuất theo kế hoạch công tác năm 2026 của Ban Kiểm soát lập ngày 30/01/2026.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về thực hiện nhiệm vụ kiểm soát năm 2025; Báo cáo về hoạt động quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc năm 2025; Báo cáo thực hiện nhiệm vụ kiểm soát năm 2025 và Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông dự đại hội;
- HĐQT Cty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: Ban KS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Hoàng Mạnh Hùng



Số: 1107/BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập
Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.
- Căn cứ nhu cầu kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty với các nội dung sau:

1. Mục đích

Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập nhằm đảm bảo Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính trung thực, hợp lý và minh bạch của các thông tin tài chính.

2. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán được lựa chọn cần đáp ứng các tiêu chí sau:

- Là doanh nghiệp kiểm toán độc lập hợp pháp, đủ điều kiện kiểm toán theo quy định của pháp luật;
- Có uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán doanh nghiệp;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý và phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty.

3. Danh sách đơn vị kiểm toán được đề xuất

Ban Kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIỆT NAM

Trụ sở tại Tầng 8, Cao ốc văn phòng VG Building số 235 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành Phố Hà Nội.

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Trụ sở tại tầng 5, Tòa nhà B2, Roman Plaza, đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội.

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Trụ sở chính: Số 01 Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Chi nhánh Quảng Ninh: Số 8 Chu Văn An, Phường Hạ Long, Quảng Ninh.



4. Ý kiến của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đánh giá các Công ty kiểm toán theo danh sách đề xuất ở trên là những Công ty kiểm toán độc lập có uy tín và năng lực để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính đối với các Công ty đại chúng có cổ phiếu đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán.

Các Công ty được lựa chọn theo đề xuất của Ban Kiểm soát đã được Bộ Tài chính phê duyệt là một trong số 35 Doanh nghiệp Kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026 theo Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025.

5. Nội dung đề nghị thông qua

Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên để kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn Đại hội.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban GD (e-copy, b/c);
- Các cổ đông;
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: BKS

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Hoàng Mạnh Hùng



Số: 1787/TTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận
sau thuế TNDN năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-VMC ngày 05/4/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc ban hành “Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN”;

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt phương án chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025, như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế năm 2025:	16.680.917.122 đồng.
2. Trả cổ tức 12%/năm/Vốn điều lệ:	5.636.821.200 đồng.
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức:	11.044.095.922 đồng.
3.1. Trích Quỹ đầu tư phát triển (30%):	5.004.275.137 đồng
3.2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (0,47 tháng lương):	6.039.820.785 đồng
Trong đó: - Quỹ phúc lợi (40%):	2.415.928.314 đồng
- Quỹ khen thưởng (60%)	3.623.892.471 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Website: www.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS, BGĐ (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Tuấn Ngọc

Số: 1103 /TTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thực hiện tiền lương, thù lao năm 2025
và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Người quản lý Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN ngày 25/4/2025.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phân phối thù lao năm 2025 và kế hoạch thù lao 2026 của Người quản lý Công ty như sau:

1. Thực hiện năm 2025

1.1. Tiền lương của Người quản lý Công ty

TT	Chức Danh	Chức vụ	Số tháng	KH năm 2025 (đồng/năm)	TH năm 2025 (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Phạm Minh Tuấn	Giám đốc	12	444.600.000	533.520.000
2	Lê Viết Sự	Phó Giám đốc	1	32.850.000	39.420.000
3	Tăng Bá Khang	Phó Giám đốc	1	32.850.000	39.420.000
4	Phạm Thanh Tùng	Phó Giám đốc	11	361.350.000	433.620.000
5	Trần Ngọc Thắng	Phó Giám đốc	11	361.350.000	433.620.000
6	Phạm Thu Hương	TV HĐQT	12	394.200.000	473.040.000
7	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng BKS	12	412.200.000	494.640.000
8	Nguyễn Thị Hồng Thịnh	Kế toán trưởng	12	360.000.000	432.000.000
	Tổng			2.399.400.000	2.879.280.000

Trong đó, tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách

TT	Chức Danh	Chức vụ	Số tháng	KH năm 2025 (đồng/năm)	TH năm 2025 (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng BKS	12	412.200.000	494.640.000
	Tổng			412.200.000	494.640.000

Hình thức chi: VMC chi trả trực tiếp.

1.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên Ban kiểm soát Công ty kiêm nhiệm:

TT	Chức Danh	Mức phụ cấp (tháng)	Số tháng	KH năm 2025 (đồng/năm)	TH năm 2025 (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Chủ tịch HĐQT	5.140.000	12	61.680.000	61.680.000
2	Phạm Minh Tuấn (GD kiêm HĐQT)	4.940.000	12	59.280.000	59.280.000
3	Bùi Xuân Hạnh (TV HĐQT)	4.380.000	12	52.560.000	52.560.000
4	Lê Viết Sự (TV HĐQT)	4.380.000	12	52.560.000	52.560.000
5	Thành viên BKS (kiêm nhiệm 2 người)	4.380.000	24	105.120.000	105.120.000
	Cộng			331.200.000	331.200.000

Phương thức chi trả:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV;

- VMC chi trả trực tiếp thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VMC.

2. Kế hoạch năm 2026:

2.1. Tiền lương của Người quản lý Công ty:

TT	Chức Danh	Chức vụ	Số tháng	Tiền lương tháng (đồng/tháng)	KH tiền lương năm 2026 (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Giám đốc Công ty	Giám đốc	12	24.700.000	422.370.000
2	Thành viên HĐQT	TVHĐQT	12	21.900.000	374.490.000
3	Phó Giám đốc	Phó Giám đốc	12	21.900.000	374.490.000
4	Phó Giám đốc	Phó Giám đốc	12	21.900.000	374.490.000
5	Trưởng BKS	Trưởng BKS	12	22.900.000	391.590.000
6	Kế toán trưởng	Kế toán trưởng	12	20.000.000	342.000.000
	Tổng				2.279.430.000

57004
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẠO M
INACOM
4NH - T.

2.2. Thù lao của Thành viên HĐQT, Thành viên BKS kiêm nhiệm:

TT	Chức Danh	Tiền lương tháng	Số người	tỷ lệ	Tiền thù lao tháng (đồng/người /tháng)	Tổng tiền thù lao KH năm (đồng/năm)	Tạm ứng tiền thù lao (đồng/người/tháng)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000	1	20%	5.140.000	61.680.000	4.112.000
2	GD kiêm TV HĐQT	24.700.000	1	20%	4.940.000	59.280.000	3.952.000
3	Thành viên HĐQT	21.900.000	1	20%	4.380.000	52.560.000	3.504.000
4	Thành viên HĐQT	21.900.000	1	20%	4.380.000	52.560.000	3.504.000
5	Người phụ trách quản trị kiêm thư ký	21.900.000	1	20%	4.380.000	52.560.000	3.504.000
6	Thành viên BKS (kiêm nhiệm)	21.900.000	2	20%	4.380.000	105.120.000	3.504.000
	Cộng		7			383.760.000	

3. Phương thức chi trả:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV;
- VMC chi trả trực tiếp thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VMC;
- Hằng tháng các thành viên HĐQT và BKS làm công tác kiêm nhiệm tại Công ty được thanh toán 80% mức thù lao cho tháng đó; số 20% còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Website: WWW.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGĐ, KTT (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Tuấn Ngọc

Số: 1104 /TTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua các Hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng tài sản

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 28/02/2008, đã được sửa đổi, bổ sung và thay đổi phù hợp với các Nghị định, thông tư hiện hành;

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành về giao dịch của Công ty với các bên liên quan và hợp đồng có giá trị lớn.

Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN dự kiến ký kết một số hợp đồng có giá trị vượt quá 35% tổng tài sản của Công ty trong báo cáo tài chính gần nhất. Việc ký kết các hợp đồng này có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty, theo quy định tại Mục r, Điểm 2, Điều 15 của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, các hợp đồng có giá trị vượt quá 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất cần được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể các hợp đồng cần thông qua như sau:

1. Hợp đồng mua phôi thép CT5

- Bên ký kết: Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP;
- Giá trị hợp đồng: 02 Hợp đồng/năm (dự kiến giá trị 01 Hợp đồng khoảng 987 tỷ đồng);
- Mục đích hợp đồng: Phục vụ sản xuất Thép SVP các loại cho các đơn vị trong ngành.

2. Hợp đồng bán thép SVP các loại

- Bên ký kết: Công ty CP Cơ khí mỏ và Đóng tàu - TKV;
- Giá trị hợp đồng: 02 Hợp đồng/năm (dự kiến giá trị 01 Hợp đồng khoảng 436 tỷ đồng);
- Mục đích hợp đồng: Phục vụ sản xuất Vẽ chống lò các loại cho các đơn vị trong ngành.

(Kèm theo bản dự thảo các Hợp đồng trên)

Giám đốc Công ty nhận thấy việc ký kết các hợp đồng trên là cần thiết và có lợi cho sự phát triển lâu dài của Công ty, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ký kết các hợp đồng trên trong năm 2026.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty (e-copy, b/c);
- BKS, BGĐ (e-copy);
- Lưu: KH-VT; Tky Công ty.



GIÁM ĐỐC *u*

Phạm Minh Tuấn

Số: 1105/TTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Để phù hợp với các văn bản hướng dẫn và quy định hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 thông qua dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế, cụ thể:

1. Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN: *Bản so sánh nội dung sửa đổi Điều lệ kèm theo.*

2. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;

4. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.

(Tài liệu gửi kèm: *Bản so sánh nội dung sửa đổi các Quy chế và phụ lục kèm theo*)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- TKV (e-copy, b/c);
- Website: WWW.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGĐ, KTT (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Tuấn Ngọc

BẢN SO SÁNH SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, thay thế	Lý do
1	<p>Khoản 2 Phần mở đầu: “2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.” 	<p>Khoản 2 Phần mở đầu: “2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các luật sửa đổi, bổ sung và các Luật sửa đổi, bổ sung luật doanh nghiệp; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các luật sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán; - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; - Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.” 	Phù hợp với tình hình thực tế các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành và có hiệu lực
2	<p>Khoản 3 Phần mở đầu: “3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN năm 2021 thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021.”</p>	<p>Khoản 3 Phần mở đầu: “3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN năm 2026 thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2026.”</p>	Cập nhật theo thực tế
3	<p>Điểm đ, e Khoản 1 Điều 1: đ) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội</p>	<p>Điểm đ, e Khoản 1 Điều 1: đ) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam</p>	Căn cứ theo tình hình thực tế



TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, thay thế	Lý do
	nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020. e) “Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.	thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp. e) “Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán.	
4	Khoản 2 Điều 1: “2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.”	Khoản 2 Điều 1: “2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó.”	Không cần thiết và tạo cơ chế mở trong công tác thực hiện.
5	Khoản 6 Điều 2: “6. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: 486 đường Trần Phú - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh - Điện thoại: 0203.3862876; 0203.3716223 - Fax: 0203.3862034 - Website: www.chetaomay.com.vn	Khoản 6 Điều 2: “6. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: 486 đường Trần Phú – phường Quanh Hanh - tỉnh Quảng Ninh - Điện thoại: 0203.3862876; 0203.3716223 - Fax: 0203.3862034 - Website: www.chetaomay.com.vn	Căn cứ theo tình hình thực tế
6	Điểm c Khoản 3 Điều 14: “c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp	Điểm c Khoản 3 Điều 14: “c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội	Căn cứ Khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15

TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, thay thế	Lý do
	Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;”	đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;”	
7	Khoản 4 Điều 18: “4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch).....”	Khoản 4 Điều 18: “4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp công ty đã niêm yết)	Căn cứ Công văn số 1315/UBCK-GSDC ngày 1/3/2024
8	Điểm a Khoản 4 Điều 26: “a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.”	Sửa đổi câu đầu tại Điểm a Khoản 4 Điều 26: “a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.”	Căn cứ Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP: 79. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 như sau: “2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường



TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, thay thế	Lý do
			<p>hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.”.</p> <p>Tuy nhiên, cần xem xét, vì Cty Niêm yết nên quy định cần tối thiểu 01 Thành viên HĐQT độc lập (đối với trường hợp có 5 thành viên HĐQT)</p>
9	<p>Khoản 1 Điều 62:</p> <p>“1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương và 62 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.”</p>	<p>Khoản 1 Điều 62:</p> <p>“1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương và 62 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN nhất trí thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại Hội trường Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.”</p>	Cập nhật theo thực tế

BẢNG TỔNG HỢP NHỮNG ĐIỂM SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
I	QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ		
1	Khoản 2 Điều 18 “2. Thành viên HĐQT không được đồng thời là (i) Thành viên của Ban Kiểm soát; và/hoặc (ii) thành viên HĐQT của trên 05 (năm) công ty khác; (iii) người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức tín dụng này là Công ty con của Công ty. Chủ tịch HĐQT Công ty không được đồng thời là người điều hành của Công ty.”	Khoản 2 Điều 18 “2. Thành viên HĐQT không được đồng thời là (i) Thành viên của Ban Kiểm soát; và/hoặc (ii) thành viên HĐQT <u>hoặc Hội đồng thành viên</u> của trên 05 (năm) công ty khác; (iii) người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức tín dụng này là Công ty con của Công ty. Chủ tịch HĐQT Công ty không được đồng thời là người điều hành của Công ty.	Phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 11/09/2025: <i>“78. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 như sau:</i> <i>“3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.”.</i>
2	Khoản 1 Điều 29 Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Điều hành 1. Giám đốc và các Phó Giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ Công ty.	Khoản 1 Điều 29 Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Điều hành 1. Giám đốc và các Phó Giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ Công ty. <u>Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện</u>	Căn cứ Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung vào sau Khoản 5 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP: 83. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 291 như sau: <i>“6. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn</i>

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<u>phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</u>	<i>nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.”.</i>
3	<p>Khoản 4 Điều 46</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>Khoản 4 Điều 46</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác không phải là cổ đông và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý khác mà Công ty và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của công ty quy định tại khoản 2 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP) là các công ty trong cùng Tập đoàn Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>Căn cứ Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP, Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP:</p> <p><i>“4. Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</i></p> <p><i>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của công ty đại chúng quy định tại khoản 2 Điều này) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty,</i></p>



STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<i>bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty.</i>
4		Bổ sung Phụ lục: Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến <i>(Chi tiết Phụ lục đính kèm bên dưới)</i>	Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 và Khoản 5 Điều 11 Quy chế quản trị nội bộ của Công ty <i>b) Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</i>
II	QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:		
1	Điểm c Khoản 1 Điều 6 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: ... c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;	Điểm c Khoản 1 Điều 6 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: ... c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác	Sửa đổi cho rõ nghĩa, phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 11/09/2025: "78. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 như sau: "3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<i>thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.”.</i>
2	Điều 23 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN bao gồm 07 Chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2021.	Điều 23 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN bao gồm 07 Chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 4 năm 2026.	Cập nhật đảm bảo phù hợp với thực tế
III	QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT		
1	Mục căn cứ pháp lý <i>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;</i> <i>Căn cứ Nghị Định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</i>	Mục căn cứ pháp lý: <u>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm;</u> <u>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm;</u> <u>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ</u>	Cập nhật đảm bảo phù hợp với thực tế

STT	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<u>sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm</u>	
2	Điều 22. Hiệu lực thi hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN bao gồm 07 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2021.	Điều 22. Hiệu lực thi hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN bao gồm 07 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng 4 năm 2026.	Cập nhật đảm bảo phù hợp với thực tế

PHỤ LỤC

QUY CHẾ MẪU TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN

(Ban hành kèm Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ngày.... tháng ... năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, của Công ty cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN (sau đây được gọi tắt là “Công ty”).

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội):** Là cuộc họp đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

- **Tài khoản truy cập:** Là tên đăng nhập và mật khẩu được gửi trong thư mời họp cho cổ đông để truy cập tham gia đại hội trực tuyến bỏ phiếu điện tử.

- **Bỏ phiếu điện tử:** Là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử thông qua internet bằng hệ thống được xây dựng bởi Công ty hoặc cung cấp bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi là VSDC) hoặc đơn vị khác cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử cho Công ty (sau đây gọi tắt là Đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử).

Điều 3. Điều kiện tổ chức Đại hội trực tuyến

Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp đại hội cổ đông theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến

4.1. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội: Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham gia Đại hội.

4.2. Cổ đông sẽ được cung cấp tài khoản truy cập qua thư mời tham gia Đại hội và thực hiện việc bỏ phiếu điện tử. Tài khoản truy cập để tham gia Đại hội và bỏ phiếu điện tử có thể sử dụng cùng một tài khoản hoặc hai tài khoản riêng biệt.

4.3. Cổ đông được coi là tham dự Đại hội khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:

- Cổ đông có quyền tham dự Đại hội trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử các vấn đề tại Đại hội.

- Thực hiện đăng nhập vào hệ thống qua tài khoản truy cập để tham dự họp trực tuyến và biểu quyết thông qua bỏ phiếu điện tử.

Các cổ đông không đáp ứng được các điều kiện để tham dự tại cuộc họp Đại hội trực tuyến được coi là không tham dự Đại hội. Tỷ lệ cổ đông dự họp được tính bằng số cổ đông tham dự Đại hội trên tổng số cổ đông có quyền tham dự Đại hội.

4.4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham gia Đại hội trực tuyến:

- Cổ đông đã tham dự Đại hội được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử. Cổ đông có thể theo dõi nội dung, diễn biến đại hội thông qua hệ thống phát truyền hình trực tuyến của Công ty và tham gia trao đổi, hỏi đáp trực tuyến về các vấn đề tại Đại hội theo chương trình Đại hội đã được thông qua.

- Cổ đông đăng nhập muộn sau khi Đại hội đã diễn ra có quyền tham gia và biểu quyết ngay đối với những nội dung chưa biểu quyết, nhưng hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

- Cổ đông có trách nhiệm bảo mật tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cung cấp để tham dự Đại hội để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Cổ đông công nhận kết quả bỏ phiếu thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử do Đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử cung cấp.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban hỗ trợ cổ đông

- Ban hỗ trợ cổ đông gồm một (01) Trưởng ban và các ủy viên khác do Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban hỗ trợ cổ đông có các nhiệm vụ:
- Tiếp nhận khiếu nại và hỗ trợ giải đáp các vấn đề cổ đông gặp phải trong quá trình đăng nhập để tham gia Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
- Tiếp nhận ý kiến phát biểu của cổ đông qua khung chat trực tuyến để chuyển cho Đoàn Chủ tịch.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban bầu cử và kiểm phiếu

Ban bầu cử và kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và các ủy viên khác do Đại hội biểu quyết thông qua.

Ban bầu cử và kiểm phiếu có các nhiệm vụ:

- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông;
- Tiếp nhận kết quả kiểm phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu;
- Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội;
- Giao lại Biên bản và toàn bộ phiếu ghi nhận biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch

Đoàn Chủ tịch gồm một (01) Chủ tọa và một số thành viên do Đại hội biểu quyết thông qua.

Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ chủ trì Đại hội; Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận; Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng biểu quyết; Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký

Ban thư ký gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên. Ban thư ký có các nhiệm vụ:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;
- Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội;
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

Điều 9. Tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông đã tham dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết căn cứ theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập Đại hội.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

10.1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.

10.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội.

Điều 11. Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Đối với cổ đông tham dự đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử: Cổ đông có thể đóng góp ý kiến, phát biểu về các nội dung của Đại hội thông qua màn hình trực tuyến khi có yêu cầu và được Đoàn Chủ tịch đại hội mời phát biểu hoặc chat với Ban hỗ trợ Đại hội. Ban hỗ trợ Đại hội sẽ chuyển cho Chủ tọa để xử lý. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 3 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

Điều 12. Nguyên tắc cổ đông tham gia bỏ phiếu

12.1. Nguyên tắc chung:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử tính theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông được cấp quyền biểu quyết theo số cổ phần được biểu quyết (sở hữu và đại diện) của cổ đông.

12.2. Phương thức biểu quyết:

Các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử theo phương thức có ý kiến đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề: Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu; Thông qua Chương trình Đại hội; Thông qua Quy chế Đại hội, Thẻ lệ biểu quyết, Thẻ lệ bầu cử; Thông qua Nghị quyết Đại hội; Thông qua các quyết định được tại Đại hội.

12.3. Phương thức bầu cử:

Việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty được thực hiện bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử theo phương thức bầu dòn phiếu.

Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với Tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát do Đại hội thông qua.

Điều 13. Thực hiện bỏ phiếu điện tử

Trong trường hợp tài khoản truy cập cho hệ thống bỏ phiếu điện tử chung với tài khoản truy cập để tham dự Đại hội: Cổ đông thực hiện xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung cần biểu quyết.

Trong trường hợp tài khoản truy cập cho hệ thống bỏ phiếu điện tử riêng với tài khoản truy cập để tham dự Đại hội: Cổ đông sử dụng tài khoản truy cập cho hệ thống bỏ phiếu điện tử trực tiếp đăng nhập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung cần biểu quyết.

Điều 14. Kết quả bỏ phiếu điện tử

14.1. Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hệ thống phần mềm của Công ty.

14.2. Ban Bầu cử và kiểm phiếu là người tiếp nhận các thông tin kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu.

Điều 15. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội

15.1. Các nghị quyết về các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 15.2 và khoản 15.3 Điều này.

15.2. Các nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ
- b) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán
- c) Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp
- d) Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán
- e) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty

15.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội

đồng quản trị/Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được Đại hội thông qua. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử.

Điều 16. Biên bản cuộc họp Đại hội

16.1 Cuộc họp Đại hội phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

16.2. Biên bản họp Đại hội phải hoàn thành xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

16.3. Đoàn chủ tọa và Ban thư ký Đại hội liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản Đại hội.

Biên bản họp Đại hội được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, việc gửi Biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp Đại hội, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành công

17.1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9 Quy chế này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu có quyền biểu quyết;

17.2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 17.1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 18. Sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSDC

Trong trường hợp Công ty lựa chọn sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSDC, Quy chế hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử theo mẫu của VSDC sẽ điều chỉnh việc bỏ phiếu điện tử tại Đại hội trực tuyến của Công ty. Nếu có các nội dung không thống nhất giữa Quy chế này và Quy chế hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử theo mẫu của VSDC, nội dung tại Quy chế hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử theo mẫu của VSDC sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

19.1. Quy chế này gồm 4 chương, 19 điều và có hiệu lực vào ngày ký quyết định ban hành.

19.2. Cổ đông, tổ chức đại diện và các cá nhân, tổ chức tham gia Đại hội trực tuyến của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN
CHỦ TỊCH HĐQT

Số: 1785 /TTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty,
nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy –
VINACOMIN;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-VMC, ngày 20/4/2026 của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) đối với:

Ông Phạm Minh Tuấn được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (tổ chức ngày 26/4/2023) bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028. Ngày 18/4/2026 ông Phạm Minh Tuấn có đơn gửi đến Công ty xin từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT Công ty và được HĐQT chấp thuận.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 đối với ông Phạm Minh Tuấn.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Website: www.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS, BGĐ (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Tuấn Ngọc

Số: 1786 /TTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về danh sách đề cử ứng viên để bầu Thành viên
Hội đồng quản trị Công ty

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-VMC, ngày 20/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty.

Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 15; khoản 3, Điều 12 và khoản 2, Điều 42 Điều lệ Công ty; Thông báo số 1470/TB-VMC ngày 01/4/2026 “Về việc đề cử, ứng cử để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, nhiệm kỳ 2023 - 2028” của Hội đồng quản trị Công ty và Báo cáo kết quả ứng viên được đề cử, ứng cử.

Hội đồng quản trị báo cáo và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách ứng viên để bầu bổ sung tham gia HĐQT, nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

Tính đến thời điểm tại, chưa có nhóm cổ đông hoặc cá nhân nào sở hữu hoặc đại diện đủ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty gửi văn bản đến Ban Tổ chức Đại hội để giới thiệu người tham gia ứng cử hoặc đề cử vào HĐQT Công ty giữa nhiệm kỳ.

Đối với việc đề cử của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV): TKV là cổ đông lớn của Công ty đang sở hữu **1.925.100** cổ phần chiếm 40.98% vốn điều lệ. Cổ đông TKV đã thông qua Người đại diện giới thiệu nhân sự làm ứng viên để Đại hội bầu vào HĐQT giữa nhiệm kỳ 2023-2028 (hồ sơ kèm theo) như sau:

- Họ tên: **Phạm Xuân Phi;**
- Ngày tháng năm sinh: 04/06/1969;
- Số CCCD: 036069003463; Ngày cấp: 10/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ: Tổ 9, Khu 4, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.



- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ điện; Kỹ sư ô tô; Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí động lực.

- Chức vụ: Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tại Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

- Không thuộc trường hợp cấm giữ chức vụ thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Luật Phòng, chống tham nhũng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ứng viên nêu trên để làm cơ sở cho Đại hội thực hiện các bước tiếp theo bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Phòng TC-HC (e-copy, Đăng trên Website);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Tuấn Ngọc

